

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thanh Lam

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG – 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN BCG VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thanh Lam
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG – 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thanh Lam

Mã SV: 1213401041

Lớp: QTL902K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần BCG Việt Nam.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần BCG Việt Nam
 - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần BCG Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2016

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần BCG Việt Nam

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần BCG Việt Nam.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Bùi Thanh Lam

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần BCG Việt Nam, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2016). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần BCG Việt Nam, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1.. Những vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.2.1. Doanh thu	3
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.	8
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	9
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	9
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:	9
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán:	10
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán	11
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng	11
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	11
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán:	13
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:	16
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng:	16
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	16
1.2.3.3 phương pháp hạch toán	17
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	19
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	19
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	19
1.2.4.3. phương pháp hạch toán	19
1.2.5. Kế toán thu nhận khác và chi phí khác:	20

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	20
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	21
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	21
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	23
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng	23
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	23
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	23
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	25
1.3.1. Hình thức kế toán nhật ký chung	25
1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.....	25
1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	25
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	26
1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	26
1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	27
1.3.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	27
1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	27
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính	29
1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.....	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BCG VIỆT NAM	31
2.1. Khái quát về công ty Cổ phần BCG Việt Nam.....	31
2.2.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty	31
2.1.2 Mô hình tổ chức bộ máy của công ty.....	32
2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.....	33
2.1.3.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty	33
2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam.	34
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán	34
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.	34
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần BCG Việt Nam.....	36
2.2.1. Kế toán công tác doanh thu bán hàng tại công ty	36
2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty	36

2.2.1.2 Chứng từ sử dụng	36
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng	37
2.2.1.4. Quy trình hạch toán	37
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam	45
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty	52
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	58
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	62
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	62
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BCG VIỆT NAM.....	71
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam	71
3.1.1. Ưu điểm.....	72
3.1.2. Một số mặt hạn chế về công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.	74
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam.....	74
3.2.1 Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	74
3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	75
3.2.3. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần BCG Việt Nam. ...	75
3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	76
KẾT LUẬN	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO	95

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	11
Sơ đồ 1.2 – Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	14
Sơ đồ 1.3 – Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp	15
kiểm kê định kỳ	15
Sơ đồ 1.4 – Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	18
Sơ đồ 1.5 - Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	20
Sơ đồ 1.6 – Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.....	22
Sơ đồ 1.7 – Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	24
Sơ đồ 1.8 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	26
Sơ đồ 1.9 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	27
Sơ đồ 1.10 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	29
Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính	30
Sơ đồ 2.1 - Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	32
Sơ đồ 2.2 - Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	33
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung	35
Sơ đồ 2.4 - Quy trình hạch toán doanh thu tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam	37
Sơ đồ 2.5 – Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam	46
Sơ đồ 2.6: quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam	52
Sơ đồ 2.7: quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam	58
Sơ đồ 2.8: quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam	62
Sơ đồ 2.9 – Xác định kết quả kinh doanh năm 2016 của công ty.....	63

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1 Hoá đơn GTGT số 0000125	39
Biểu số 2.2: GBC ngày 03/3/2016 ngân hàng thương mại Cổ phần Á Châu	40
Biểu số 2.3 – Phiếu thu số 26/03.....	41
Biểu số 2.5: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016.....	43
Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK511	44
Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 13/03.....	48
Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho số 23/03.....	49
Biểu số 2.9: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016.....	50
Biểu số 2.10 - Trích sổ cái TK 632	51
Biểu 2.11 – Hóa đơn viễn thông	54
Biểu số 2.12 – Phiếu chi số 5/10	55
Biểu số 2.13: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016.....	56
Biểu số 2.14: Trích sổ cái TK 642	57
Biểu số 2.15: Giấy báo có 25/10 – Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	59
Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016.....	60
Biểu số 2.17: Trích sổ cái TK 515	61
Biểu số 2.18: Phiếu kế toán số 28/12	64
Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 29/12	64
Biểu số 2.120: Phiếu kế toán số 30/12	65
Biểu số 2.21– Phiếu kế toán số 31/12	65
Biểu số 2.22– Phiếu kế toán số 31/12	66
Biểu số 2.23: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016.....	67
Biểu số 2.24: Trích sổ cái TK 91	68
Biểu số 2.25: Trích sổ cái TK 821	69
Biểu số - 2. 26: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	70
Biểu 3.1: Sổ chi tiết chi phí bán hàng	78
Biểu 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	79
Biểu 3.3: Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng (nhóm mặt hàng).	80
Biểu 3.4: Mẫu sổ chi tiết tài khoản 911	81
Biểu số 3.5 – Sổ chi tiết bán hàng (Nước tinh khiết Lavie).....	83
Biểu 3.6: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh - TK632	84
Biểu 3.7: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	85
Biểu 3.8: Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2016.....	92

LỜI MỞ ĐẦU

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Qua đó công ty nhanh chóng xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa lợi ích kinh tế nhà nước tập thể và cá nhân người lao động.

Công ty cổ phần BCG Việt Nam với sứ mệnh đơn vị đầu mối phân phối các loại nước uống đóng chai cho các đơn vị thuộc khu vực các tỉnh thành phía bắc. Vì vậy công ty luôn phải đảm bảo nguồn hàng cung ứng cho nhu cầu thiết yếu của thị trường. Mặc dù vấp phải khó khăn chung của nền kinh tế nhưng với chiến lược kinh doanh hiện đại của Ban giám đốc, công ty đang đạt được những bước tiến đáng kể trong những năm gần đây. Thương hiệu công ty Cổ phần BCG Việt Nam cũng như hàng hóa và dịch vụ của công ty đang được thị trường biết đến, đón nhận một cách rộng rãi. Để đạt được kết quả như vậy, một phần không nhỏ là nhờ sự đóng góp của công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, trong đó có công tác kế toán hàng hóa.

Qua quá trình thực tập tại Công ty cổ phần BCG Việt Nam, nhận thấy tầm quan trọng của công tác hạch toán kế toán hàng hóa, với sự hướng dẫn của **Th.S Nguyễn Thị Mai Linh** và sự giúp đỡ của các anh, chị phòng kế toán Công ty cổ phần BCG Việt Nam, em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần BCG Việt Nam”***

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, kết cấu của khóa luận gồm 3 chương:

Chương I : Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần BCG Việt Nam.

Chương III: Một số ý giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần BCG Việt Nam.

Do thời gian thực tập có hạn, cùng với trình độ bản thân cũng có những hạn chế nhất định nên trong quá trình thực hiện, bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các Thầy Cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trước những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toàn cầu, mức độ cạnh tranh về hàng hóa, dịch vụ giữa các doanh nghiệp trong nước ngày càng khốc liệt hơn nhất là khi Việt Nam gia nhập tổ chức kinh tế thế giới (WTO), điều này đã đem lại nhiều cơ hội cũng như thử thách lớn cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi doanh nghiệp không những phải tự lực vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh mà phải biết phát huy tối đa tiềm năng của mình để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Bên cạnh đó các phương thức xúc tiến thương mại để đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ với mục đích cuối cùng là tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp cần phải nắm bắt thông tin số liệu cần thiết chính xác của từng bộ phận kế toán giúp cho các nhà quản trị có cách nhìn chính xác về tình hình quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, có thể công khai tài chính thu hút nhà đầu tư.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từng thời kỳ. Vì vậy việc xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu, nhược điểm những vấn đề tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo.

Số liệu kế toán càng chi tiết, nhanh chóng, kịp thời, chính xác và khách quan cầu các thông tin về kết quả của kinh doanh trên các báo cáo tài chính là sự quan tâm hàng đầu của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đặc biệt là các nhà đầu tư. Do đó hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng của các doanh nghiệp.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.2.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của bộ trưởng tài chính doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh trong kỳ kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

Các loại doanh thu

• Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

Tiêu thụ phương thức trực tiếp: Theo phương thức này, người bán giao cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu

Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm nhận được báo cáo bán hàng do đại lý ký gửi

- + Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm cho bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc được bên mua chấp nhận thanh toán.

Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- + Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

• **Doanh thu thuần**: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
- *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.
- *Thuế GTGT phải nộp theo phương thức trực tiếp*: Thuế GTGT phải nộp là loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định tỷ lệ % GTGT tính trên doanh thu

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu thu ở một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng xuất khẩu

• **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, triết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ.

- Cổ tức lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập từ thu hồi, thanh lý các khoản góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái

- Lãi do bán ngoại tệ

- Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn

- Doanh thu hoạt động tài chính khác

• **Thu nhập khác**

- Thu nhập khác của doanh nghiệp là các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu bao gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ hoặc thanh lý tài sản cố định.

- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.

- Khoản nợ phải trả nhưng nay mất chủ được ghi tăng thu nhập

- Các khoản thu khác

1.1.2.2 Chi phí

Chi phí là các tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán bao gồm các khoản chi ra, các khoản khấu hao TSCĐ, các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí

• **Giá vốn hàng bán**: Là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm các chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với các doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành dịch vụ thực tế hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

+ *Phương pháp bình quân gia quyền*: Giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị của hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

+ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất ở gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng với doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định hoặc nhận diện được.

+ *Phương pháp giá bán lẻ*: Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng. Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán. Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự)

• **Chi phí quản lý kinh doanh**: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

• **Chi phí hoạt động tài chính**: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ

mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,...

• **Chi phí khác:** là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

• **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại: Là số thuế TNDN phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN từ năm trước

- Căn cứ tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế TNDN. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

- Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.

+ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.

+ Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác.

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \\ \text{nhuận kế toán} & = & \text{hoạt động sản} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{Lợi nhuận} \\ \text{trước thuế} & & \text{xuất kinh doanh} & & \text{chính} & & \text{khác} \end{array}$$

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Thuế TNDN} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế} & & \text{thuế suất thuế} \\ \text{phải nộp} & & \text{toán trước thuế} & \times & \text{TNDN} \end{array}$$

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN: là tổng số lợi nhuận còn lại khi nộp thuế TNDN.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Lợi nhuận sau} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế} & & \text{Thuế TNDN} \\ \text{thuế TNDN} & & \text{toán trước thuế} & - & \text{phải nộp} \end{array}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để phát huy được vai trò của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp vừa và nhỏ thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh cần thực hiện tốt nhiệm vụ sau:

- Phản ánh ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, mẫu mã, chủng loại, giá trị.....
- Lựa chọn phương án tính giá vốn chính xác để đảm bảo chỉ tiêu lãi gộp của hàng hóa.
- Phản ánh chính xác, kịp thời các khoản doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, và các khoản chi phí phục vụ bán hàng: như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế có liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó đưa ra các kiến nghị giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả sản xuất kinh doanh đồng thời theo dõi chi tiết tình hình thanh toán từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.
- Vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng

như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

- **Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- + Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- + Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2 sau:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

➤ Bên nợ

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Các khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

➤ **Bên có:**

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

✚ *Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ*

• **Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

Tài khoản 521 – các khoản giảm trừ doanh thu. có 3 điều kiện sau:

- + Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
- + Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
- + Tài khoản 5213- Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521

➤ **Bên Nợ**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người khác mua hoặc tính trừ vào các khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

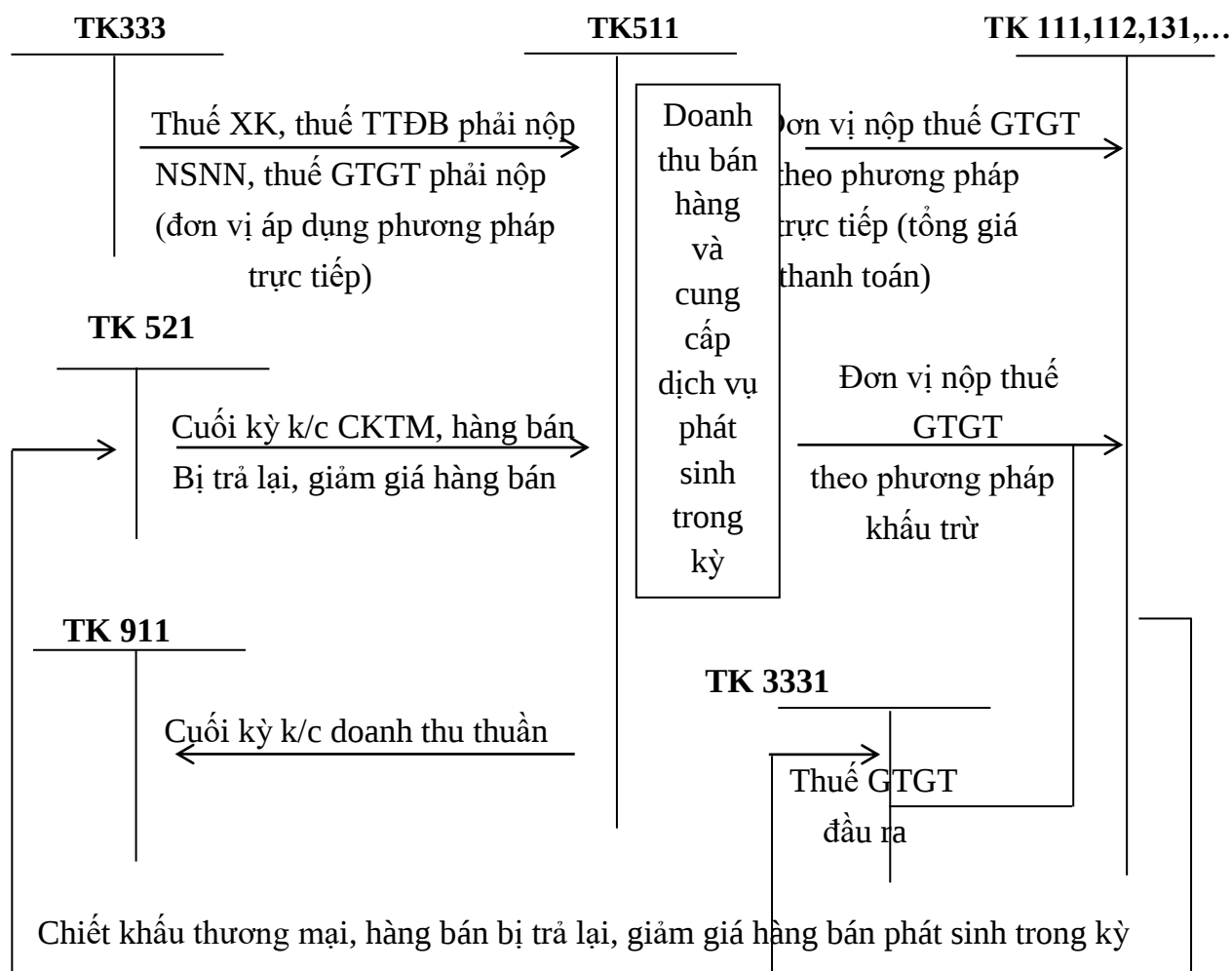
➤ **Bên có**

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

✚ *Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ*

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1 như sau:



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ,...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**
- Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.
- **Kết cấu tài khoản 632**
- Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

❖ **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh:

➤ **Bên nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm dịch vụ hàng hóa đã bán trong kỳ
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường do trách nhiệm của cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

➤ **Bên có**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh.
 - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
 - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
 - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
- 📌 Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

➤ **Bên nợ:**

- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

➤ **Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi đi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

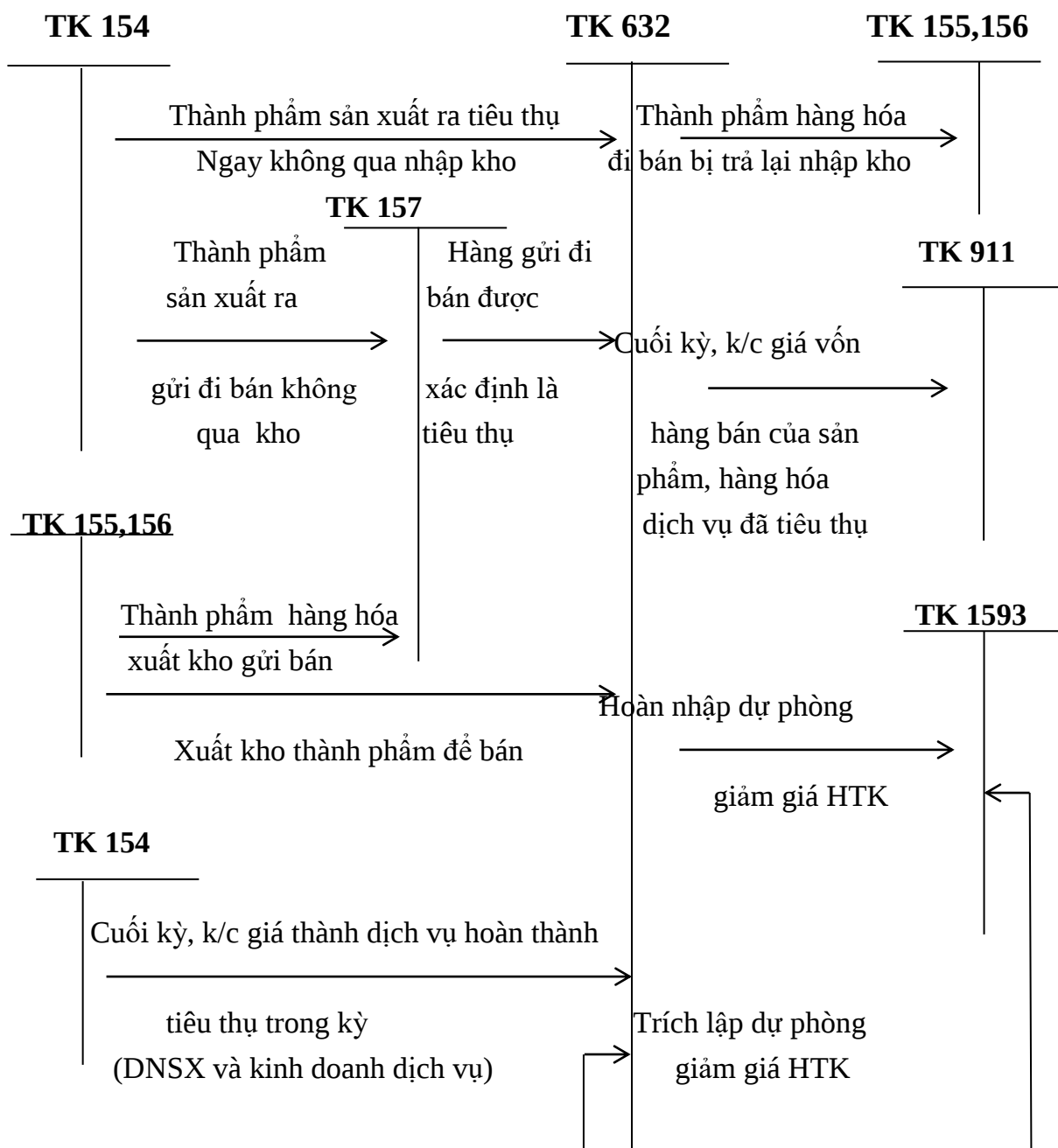
➤ **Bên nợ:**

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ tài khoản 155 “thành phẩm”
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”.

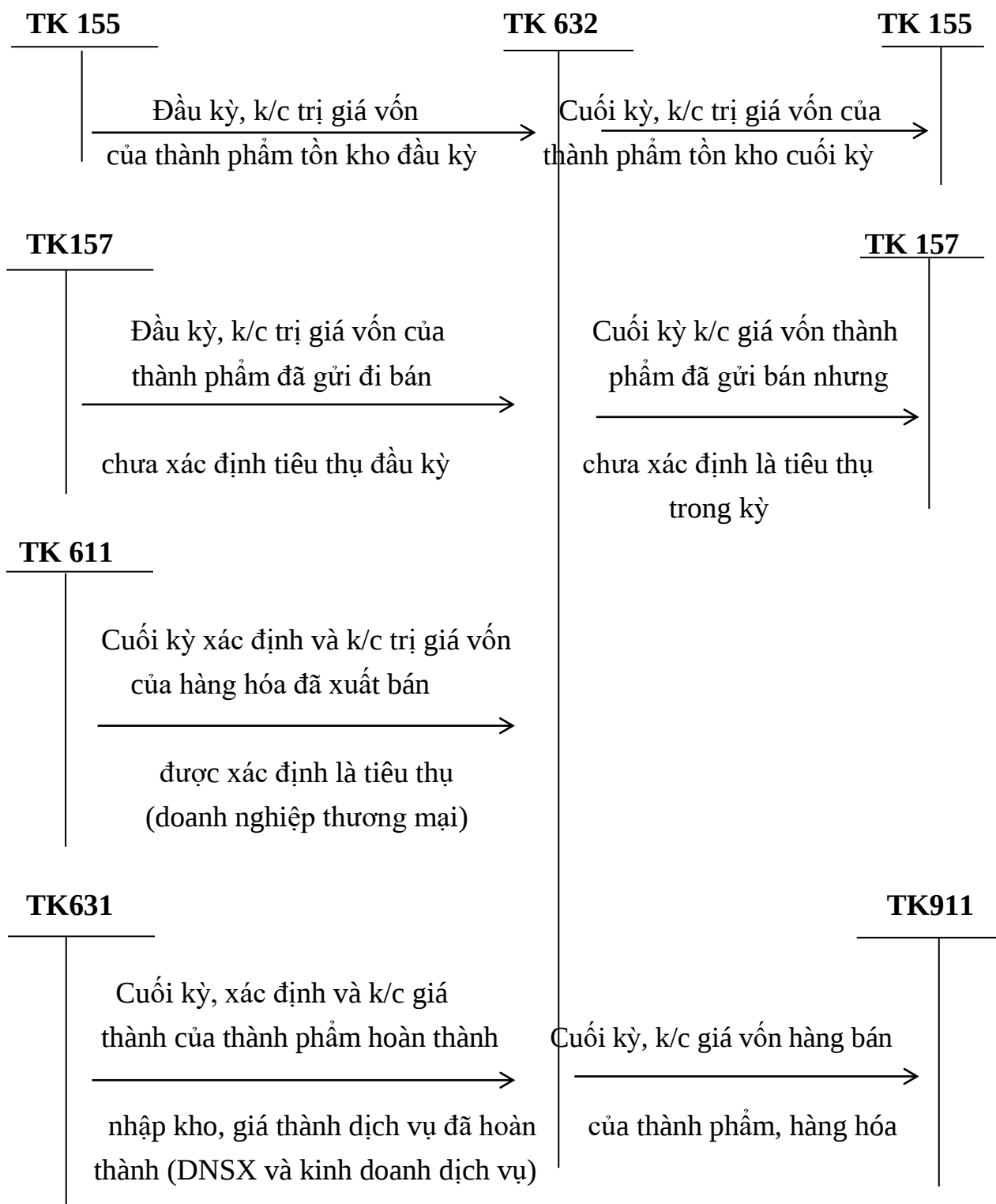
✚ *Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua 2 sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.2 – Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3 – Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có (giấy báo lãi)
- Các chứng từ khác có liên quan như: bảng tổng hợp trả lãi tiền vay,...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Kết cấu tài khoản 515**

- **Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả sản xuất kinh doanh”.

- **Bên có:**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh,...
- Doanh thu từ hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
- *Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.*

- **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

- **Kết cấu tài khoản 635**

- **Bên nợ:**

- Chi phí lãi tiền vay, tiền mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

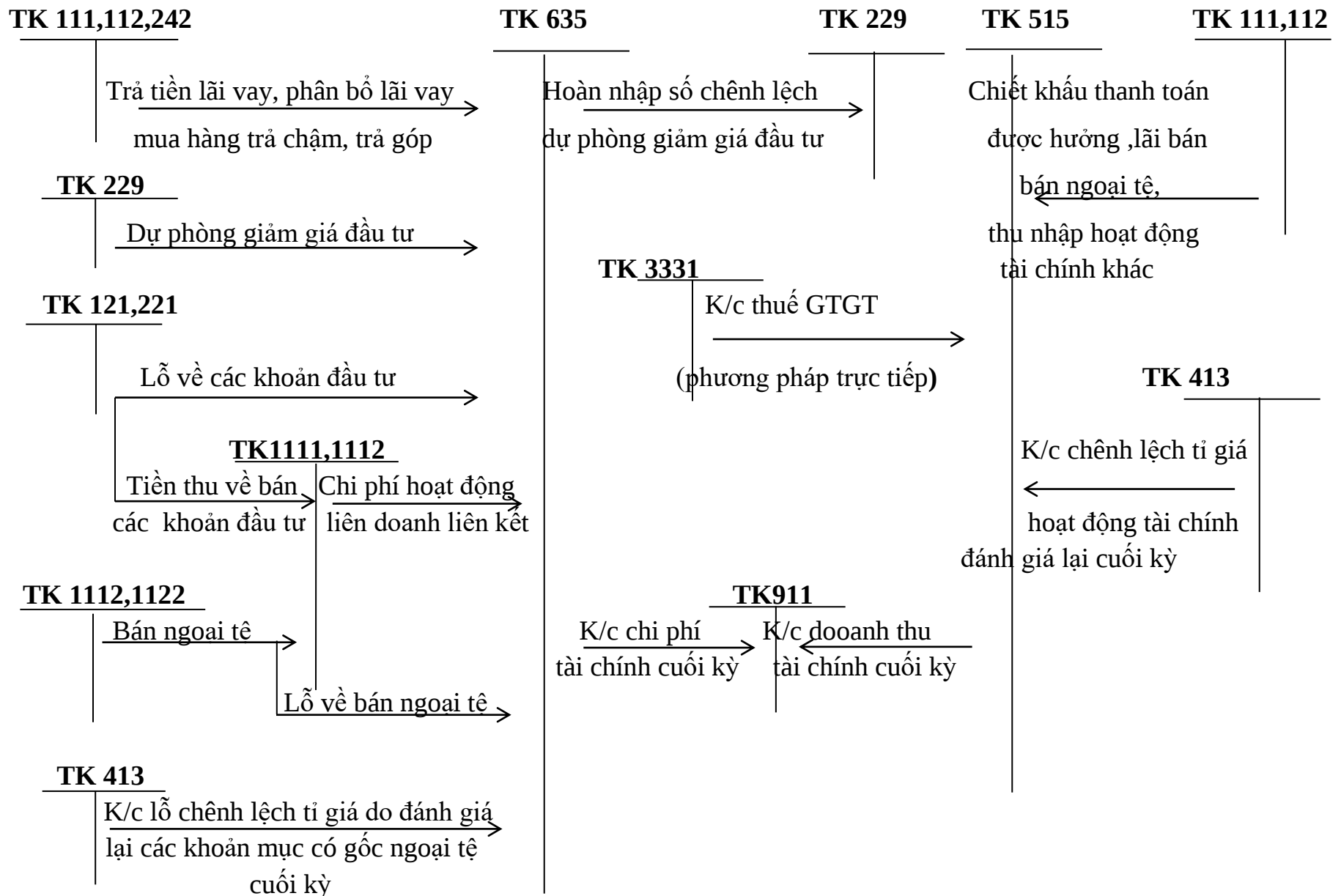
➤ **Bên có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

✚ *Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ*

1.2.3.3 phương pháp hạch toán

- Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4 – Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội và các chứng từ có liên quan khác.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

Tài khoản này để phản ánh những chi phí phát sinh tại doanh nghiệp từ bán hàng, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên quản lý,...

Kết cấu tài khoản 642

➤ **Bên nợ:**

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên có:

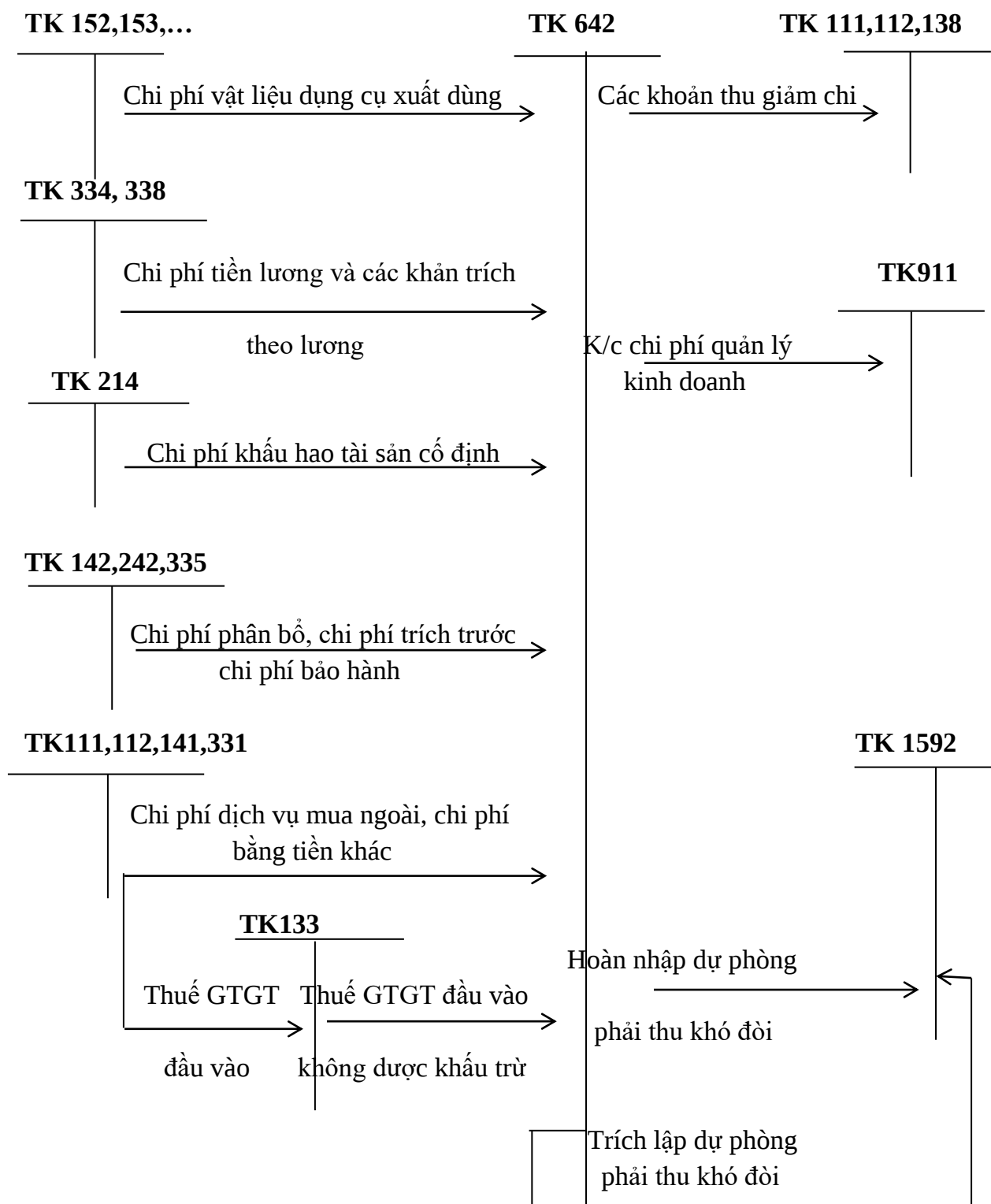
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

❖ *Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2: TK 6421 – Chi phí bán hàng và TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.*

1.2.4.3. phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5 - Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5. Kế toán thu nhận khác và chi phí khác:

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản;
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
- Biên bản góp vốn liên doanh;

- Phiếu thu, Phiếu chi.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

▪ **Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 711

➤ **Bên nợ:**

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Cuối kỳ kết toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả sản xuất kinh doanh”

➤ **Bên có**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

 *Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ*

▪ **Tài khoản 811 – Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 811

➤ **Bên nợ:**

Các khoản chi phí khác phát sinh

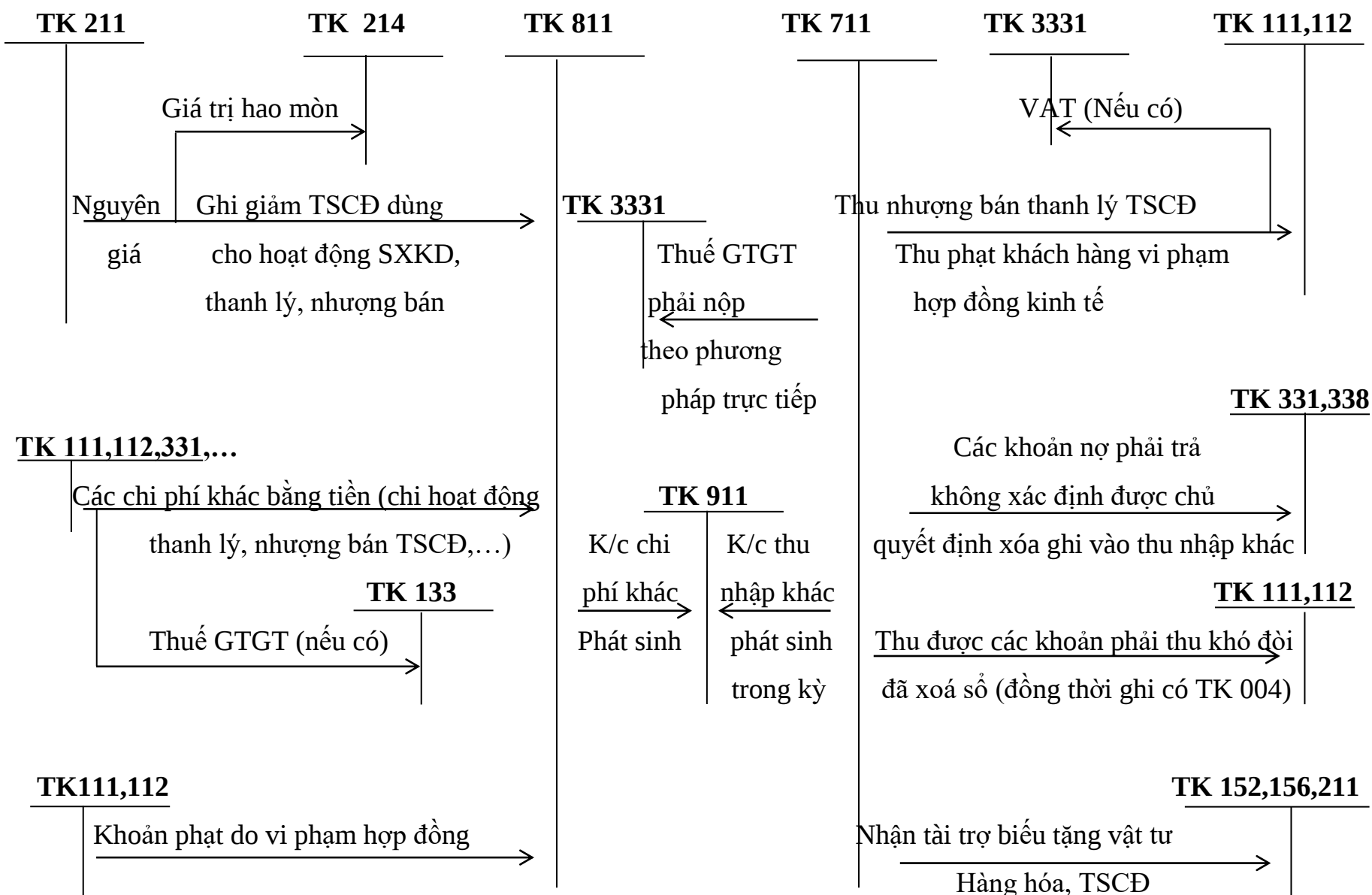
➤ **Bên có:**

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

 *Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.*

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau:



Sơ đồ 1.6 – Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

- Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần trị giá vốn hàng bán. Trong đó doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ.

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

- **Kết cấu tài khoản 911**

- **Bên nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác, chi phí quản lý kinh doanh;
- Kết chuyển lãi.

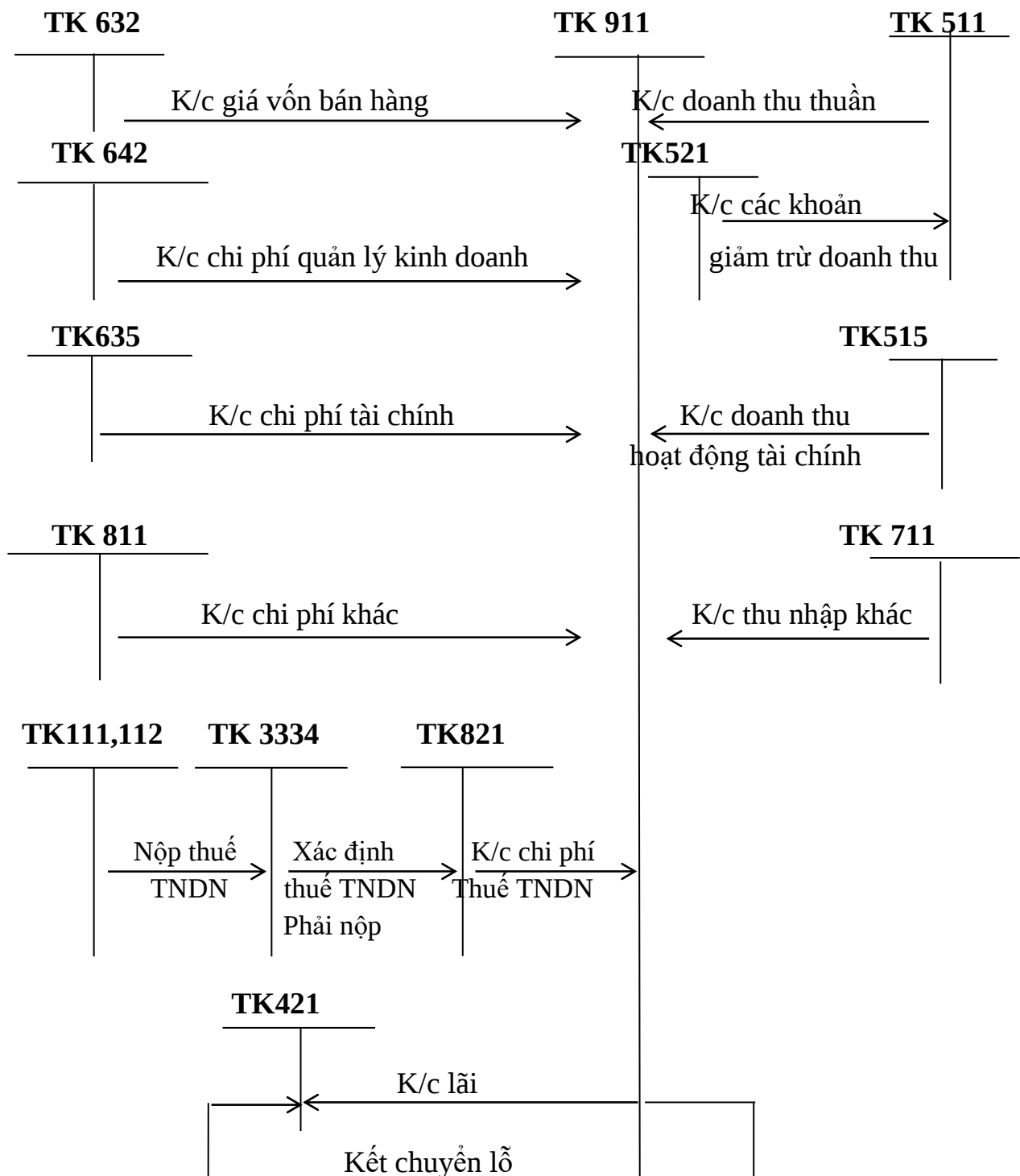
- **Bên có:**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác, và các khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

✚ *Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.*

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:



Sơ đồ 1.7 – Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục, có hệ thống tình hình và kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính, các doanh nghiệp được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán sau:

-  Hình thức kế toán Nhật ký chung
-  Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
-  Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
-  Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Trong mỗi hình thức, sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1. Hình thức kế toán nhật ký chung

1.3.1.1.. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. đồng thời việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

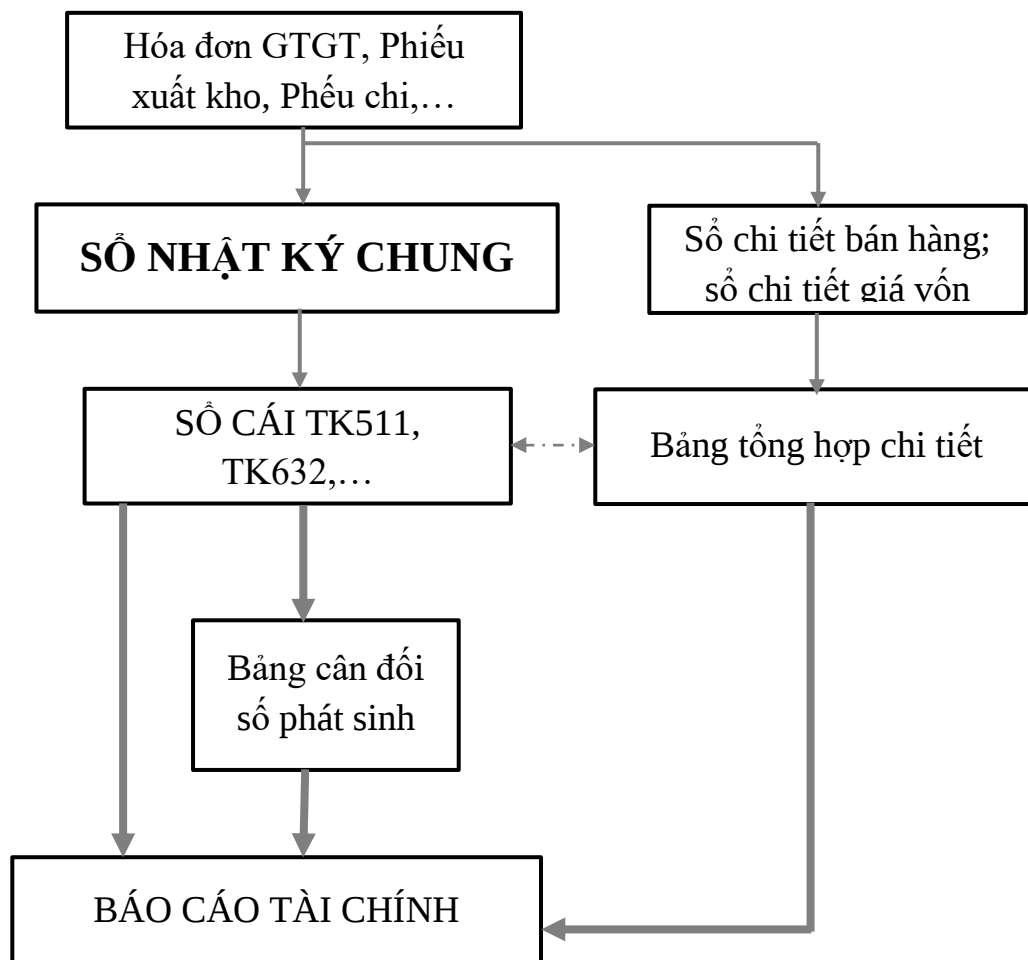
Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- + Hình thức kế toán nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:
- Sổ nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Sổ, thẻ chi tiết

1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi mở sổ Nhật ký chung thì kế toán ghi các sổ chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.



Sơ đồ 1.8 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú :

Ghi hàng ngày : $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : $\longleftrightarrow$

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ ghi vào Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán, bảng tổng hợp kế toán cùng loại;

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

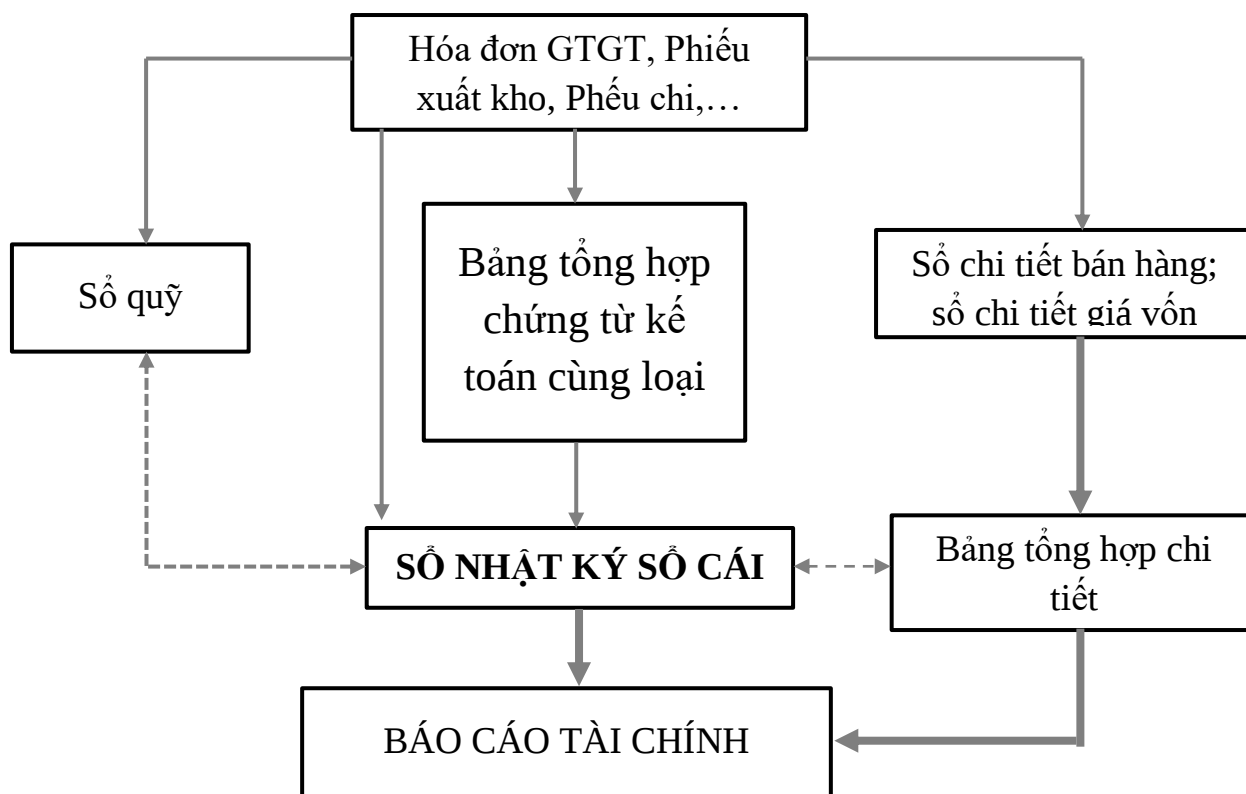
+ Nhật ký - Sổ cái;

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cuối tháng sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột sổ phát sinh ở phần nhật ký và ở các cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.



Sơ đồ 1.9 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : —————→

Quan hệ đối chiếu kiểm tra : <----->

1.3.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

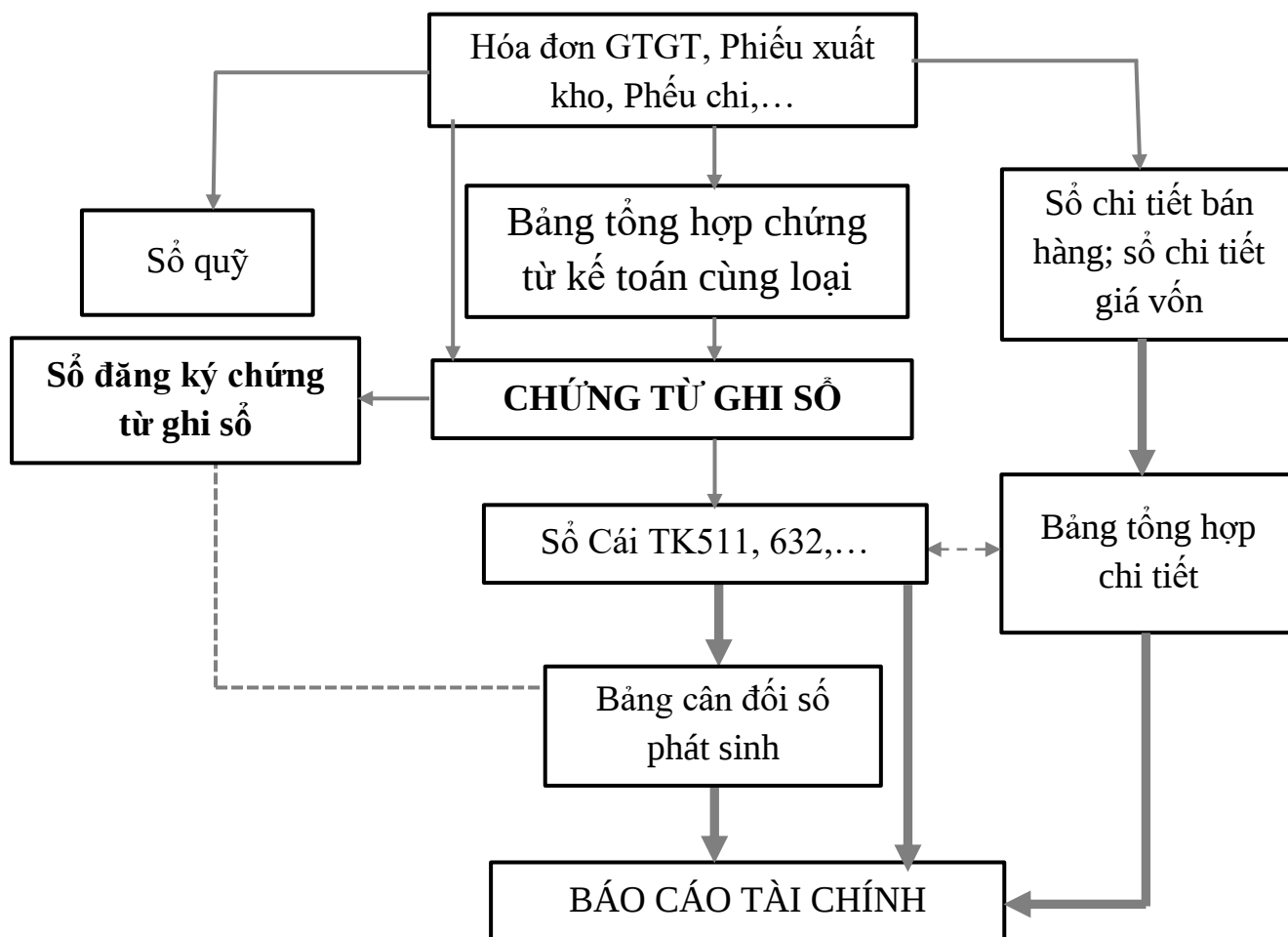
+ Ghi theo nội dung trên sổ cái

- + Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc bằng chứng kế toán cùng loại có cùng nội dung kinh tế.
- + Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau: Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các sổ cái. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh.



Sơ đồ 1.10 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : 

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : 

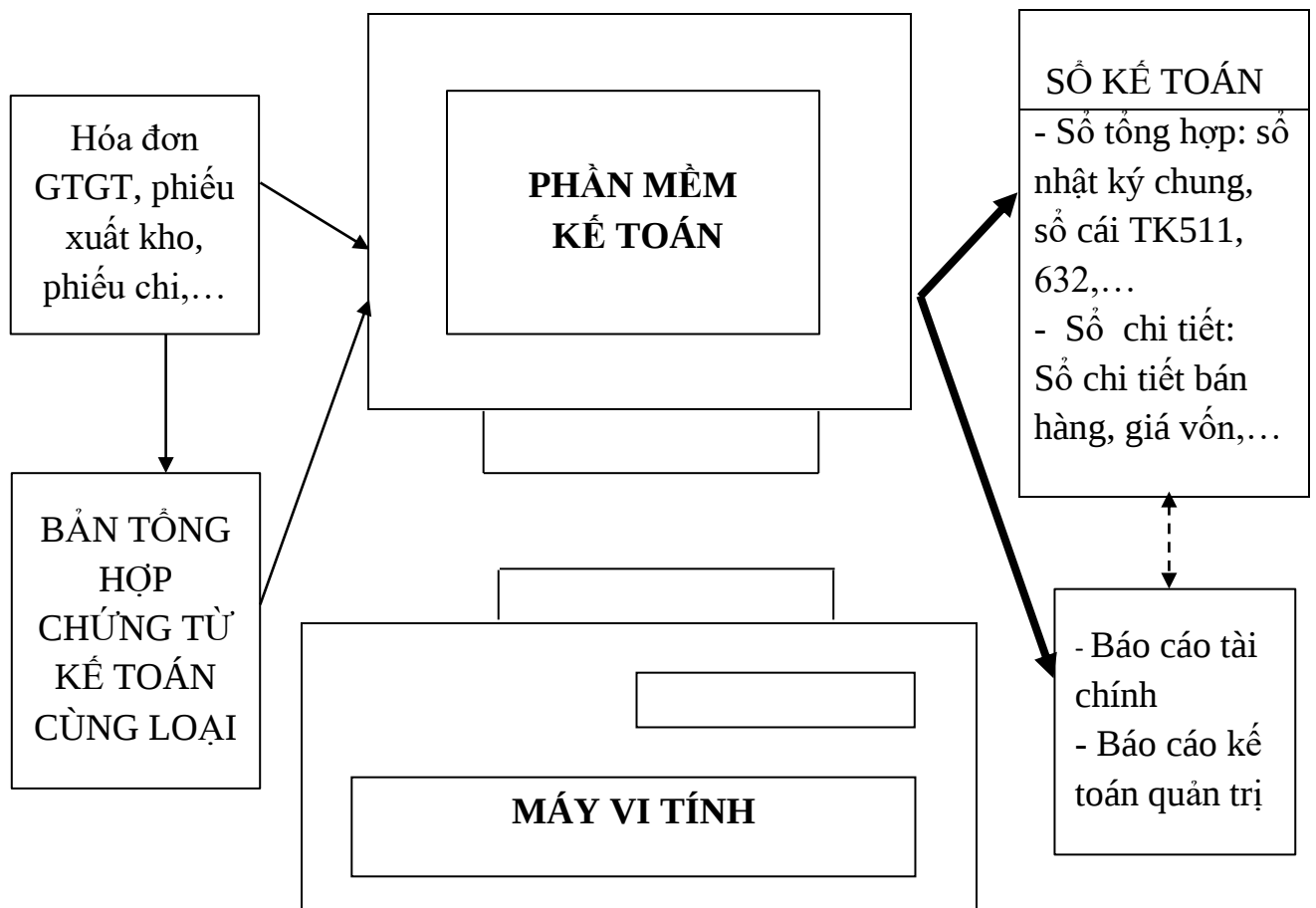
Quan hệ đối chiếu kiểm tra : 

1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký – sổ cái, Chứng từ ghi sổ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ theo hình thức hình thức kế toán đó, nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : $\longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu kiểm tra : $\longleftrightarrow$

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BCG VIỆT NAM

2.1. Khái quát về công ty Cổ phần BCG Việt Nam

2.2.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty Cổ phần BCG Việt Nam chuyên phân phối nước tinh khiết đóng chai các loại như nước lavie, Aquafina,...

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần BCG Việt Nam

Đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 11 năm 2012

- Giấy phép số: 0201222147 Do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, phường Ngọc Sơn, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0201222147
- Vốn điều lệ: 1.100.000.000

Công ty cổ phần BCG Việt Nam ra đời trong thời kỳ khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, Hoạt động kinh doanh của công ty không mấy thuận lợi, gặp nhiều khó khăn, thách thức. Nhưng do sự nỗ lực của ban Giám Đốc cùng đội ngũ nhân viên, công ty đã phát triển lớn mạnh và gặt hái nhiều thành công. Sau 4 năm hoạt động công ty đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận.

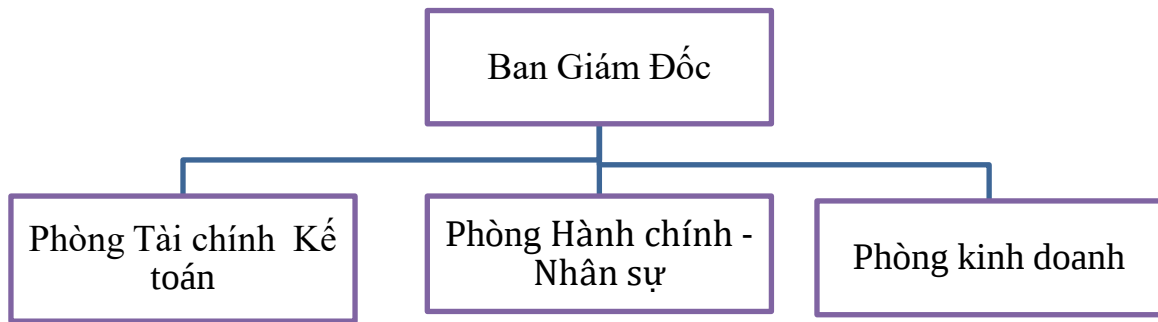
Năm 2012 thành lập công ty Cổ phần BCG Việt Nam với hoạt động phân phối nước tinh khiết cùng đội ngũ nhân sự gồm 8 người

Năm 2013 công ty đã trở thành nhà phân phối nước tinh khiết cho các trường học, công ty trên địa bàn quận Kiến An, và huyện An Lão, An Dương.

Năm 2014 công ty đã mở rộng thị trường sang các công ty, Trường học ở khu vực lân cận như Kiến Thụy, Dương Kinh, Đồ Sơn, Thủy Nguyên, và một số quận nội Thành Hải Phòng.

Hiện nay, với đội ngũ nhân viên gồm 30 người trẻ đầy nhiệt huyết, trình độ chuyên môn cao. Công ty Cổ phần BCG Việt Nam đã trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực phân phối nước tinh khiết của thành phố Hải Phòng và một số tỉnh lân cận như Thái Bình, Hải Dương, Quang Ninh,...

2.1.2 Mô hình tổ chức bộ máy của công ty



Sơ đồ 2.1 - Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Chức năng của từng phòng ban

▪ **Ban giám đốc công ty:** Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính.

▪ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

- Tổ chức và quản lý toàn bộ các hoạt động kế toán, tài chính của Công ty theo phân cấp và các quy chế, quy định của công ty và các quy định của Nhà nước.
- Quản lý toàn bộ các loại quỹ của Công ty theo đúng quy định của công ty và của Nhà nước.
- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính và lưu trữ, bảo quản đầy đủ chứng từ kế toán ban đầu theo quy định hiện hành.
- Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm.

▪ **Phòng kinh doanh:**

- Lập các kế hoạch Kinh doanh và triển khai thực hiện
- Phân tích khách hàng và kênh tiêu thụ
- Tìm hiểu thị trường và các đơn vị cạnh tranh trong khu vực
- Lập kế hoạch Marketing:
 - + Kế hoạch quảng cáo
 - + Kế hoạch tiếp thị, khuyến mại
 - + Kế hoạch bán hàng

Phòng hành chính – nhân sự :

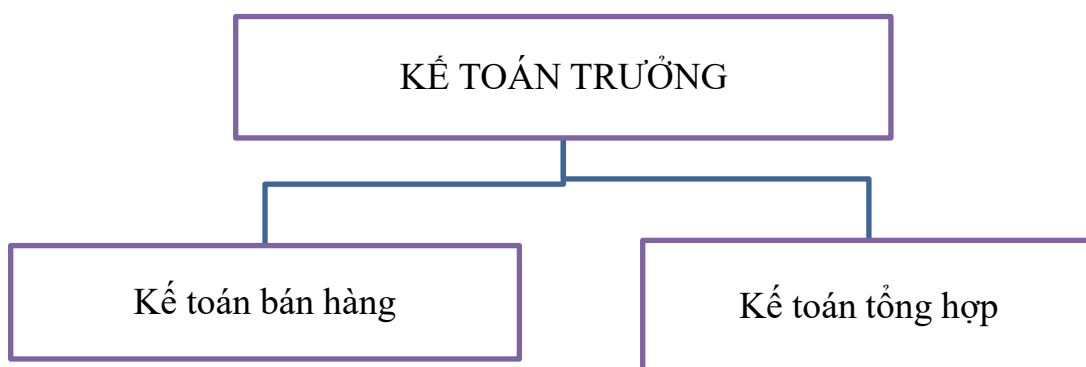
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động; kế hoạch tiền lương hàng năm;
- Quản lý cán bộ, nhân sự lao động và tiền lương theo các quy định của Nhà nước và của công ty;
- Quản lý toàn bộ tài sản, trang thiết bị văn phòng của Công ty;
- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

2.1.3.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức hợp lý, gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và đầy đủ hữu ích cho đối tượng sử dụng thông tin. Hiện nay việc tổ chức công tác kế toán của công ty cổ phần BCG Việt Nam theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Mô hình kế toán của công ty CP BCG Việt Nam



Sơ đồ 2.2 - Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Kế toán trưởng: Giúp giám đốc công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, tài chính, thông tin kinh tế trong toàn đơn vị.

- Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành
- Tổ chức bộ máy kế toán đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho kế toán viên trong công ty.

Kế toán bán hàng:

Tổng hợp số liệu bán hàng, mua hàng hàng ngày báo cáo cho TP Kế toán, hỗ trợ Kế toán tổng hợp, kiểm tra đối chiếu số liệu mua bán hàng với số liệu kho và công nợ. Cuối ngày vào bảng kê chi tiết các hoá đơn bán hàng và tính tổng giá trị hàng đã bán, thuế GTGT (nếu có) trong ngày.

Kế toán tổng hợp:

Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu do bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập bút toán kết chuyển lúc cuối kỳ. Lập báo tài chính.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam.

- Niên độ kế toán: từ 01/01 đến 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Theo phương pháp bình quân liên hoàn
- Tính và nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ
- Tính khấu hao tài sản cố định: theo phương pháp đường thẳng.

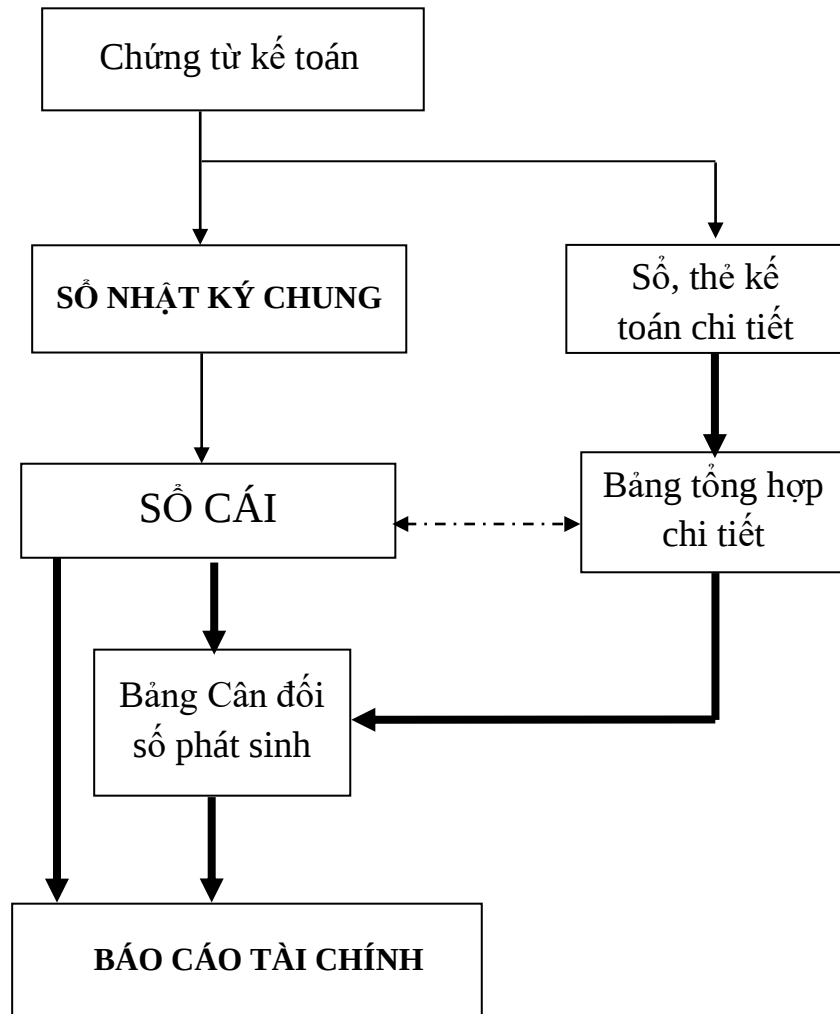
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào vào sổ nhật ký chung sau đó từ sổ nhật ký chung vào sổ cái các tài khoản, từ sổ cái các tài khoản và Bảng tổng hợp chi tiết Báo cáo tài chính.

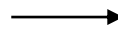
Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản, sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết.



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

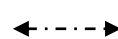
Ghi hàng ngày :



Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ:



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:



2.1.3.5. tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.

Theo quy định hiện hành, hệ thống báo cáo tài chính của công ty gồm:

- + Bảng cân đối kế toán (B01-DNN)
- + Báo cáo kết quả kinh doanh (B02-DNN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DNN)
- + Bản thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DNN)

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần BCG Việt Nam.

2.2.1. Kế toán công tác doanh thu bán hàng tại công ty

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty

Hiện nay Công ty Cổ phần BCG Việt Nam chuyên phân phối kinh doanh nước tinh khiết với dung tích khác nhau, gồm có các loại :

- + Nước Lavie dung tích: 19L, 1L, 500ml, 350ml
- + Nước Aquafina dung tích: Bình 5L, 500ml, 350ml
- + Nước tinh khiết Asami, ... với nhiều dung tích khác nhau

Vì vậy doanh thu bán hàng của công ty là doanh thu bán các loại hàng hóa.

Phương thức bán hàng

Công ty bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp mà chủ yếu là bán buôn và bán lẻ, có thể thu được tiền ngay hoặc được người mua chấp nhận thanh toán. Theo phương thức bán hàng này công tác bán hàng của công ty được thực hiện dưới hình thức sau:

- Bán buôn: Công ty bán hàng cho các đại lý kinh doanh tạp hóa, các nhà hàng, quán ăn. Đây là hình thức bán hàng chủ yếu của công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa. Theo hình thức này công ty ký hợp đồng bán hàng với khách hàng, căn cứ vào hợp đồng, công ty xuất hóa đơn GTGT cho khách hàng'

- Bán lẻ: là khách hàng là các ngân hàng, công ty, trường học, khách hàng lẻ đến công ty mua trực tiếp. Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, công ty xuất hóa đơn GTGT cho khách hàng và xuất phiếu thu đồng thời ghi nhận doanh thu cho khách hàng đến mua trực tiếp tại công ty.

Các phương thức thanh toán:

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.

- Thanh toán chậm: phương thức này áp dụng cho khách hàng là các đại lý, các nhà hàng quán ăn,..

- Thanh toán qua ngân hàng: Phương thức này áp dụng cho khách hàng là công ty, trường học, ngân hàng và được thanh toán vào cuối mỗi tháng.

2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có,...

- Các chứng từ khác có liên quan

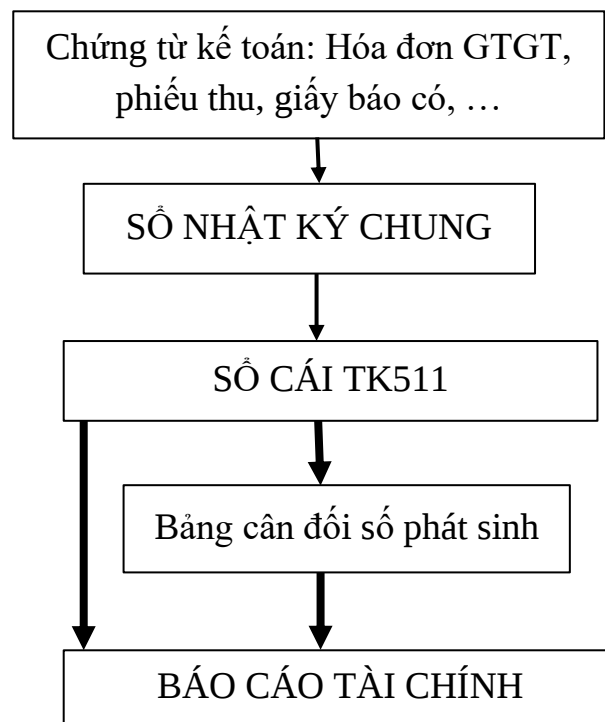
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- Các tài khoản liên quan khác như: TK 3331, TK156, TK 911

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần BCG Việt Nam được khái quát qua sơ đồ 2.4

Khi nhận được đơn đặt hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng, kế toán thông báo cho nhân viên bán hàng chuẩn bị và đóng hàng cho khách. Kế toán kiểm tra lại hàng xem đúng số lượng, chủng loại hàng hóa xem có đúng yêu cầu hay không. Từ đó kế toán lập hóa đơn GTGT bán hàng hóa.



Sơ đồ 2.4 - Quy trình hạch toán doanh thu tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: $\longrightarrow$

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1:

Ngày 03/3/2016 Công ty bán hàng cho công ty Cổ phần xây lắp điện Nam Phong nước tinh khiết lavie bình 19L đơn giá 60.000đ/bình (giá có VAT 10%) đã thu bằng tiền gửi ngân hàng:

Kế toán định khoản: Nợ TK 112: 9.300.000

Có TK 511 : 8.454.545

Có TK 3331: 845.455

Kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT số 000125 (**biểu 2.1**) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng, công ty cổ phần xây lắp điện Nam Phong chuyển tiền qua ngân hàng, công ty nhận được giấy báo có ngày 03/3/2016 của ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hải Phòng (**biểu số 2.2**) thông báo về số tiền đã nhận được. Từ HĐGTGT số 0000125 kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (**biểu số 2.3**). Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (**Biểu số 2.4**).

Ví dụ 2 Ngày 05/3/2016 Công ty bán hàng cho công ty cổ phần Sivico 30 thùng nước tinh khiết Aquafina 500ml đơn giá 98.000 (giá chưa VAT 10%) đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản: Nợ TK 111: 3.324.000

Có TK 511: 2.940.000

Có TK 3331: 294.000

Kế toán tiến hành lập phiếu thu số 26/03 (**Biểu số 2.5**). HĐGTGT 0000136 (**biểu số 2.6**) và giao liên 2 này cho khách hàng, Công ty Cổ phần Sivico đã trả bằng tiền mặt. Từ HĐGTGT 0000136, PT26/3 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.7**). Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 511 (**Biểu số 2.8**).

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 03 tháng 3 năm 2016				Mẫu số: 01GTKT3/001 Kí hiệu: AA/16P Số: 0000125	
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần BCG Việt Nam Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Phường ngọc sơn, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam Số tài khoản: 0118100006403005 Tại ngân hàng: TMCP Á Châu CN Hải Phòng Mã số thuế: 0201222147					
Họ tên người mua: Nguyễn Trọng Hiếu Đơn vị mua hàng: Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Nam Phong Địa chỉ: Số 185 Phan Đăng Lưu, Phường Ngọc Sơn, Quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam Tài khoản: 1147040008272 Tại ngân hàng: TMCP Xăng dầu Petrolimex CN Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK Mã số thuế: 0200613236					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nước tinh khiết Lavie bình 19l	Bình	155	54.545,5	8.454.545
Cộng tiền hàng:					8.454.545
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế giá trị gia tăng:					845.455
Tổng cộng tiền thanh toán					9.300.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.1 Hoá đơn GTGT số 0000125

 Chi nhánh : Hải Phòng	GIAY BAO CO Ngày 03 tháng 3 năm 2016	Mã GDV: BUI THI HOA Mã KH: 64213 Số GD: 2886
--	---	---

Kính gửi: Công ty cổ phần BCG Việt Nam

Mã số thuế: 0201222147

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có 0118100006403005

Số tiền bằng số 9.300.000

Số tiền bằng chữ Chín triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn

Nội dung công ty CP xây lắp điện nam phong thanh toán tiền nước tháng 3/2017 theo HĐGTGT 0000125

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.2: GBC ngày 03/3/2016 ngân hàng thương mại Cổ phần Á Châu

Đơn vị: **CÔNG TY CP BCG VIỆT NAM**
Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc Sơn, Kiến
An, HP

Mẫu số 01- TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 05 tháng 3 năm 2016

Số: 26/03

Nợ TK 111: 3.324.000

Có TK 511: 2.940.000

Có: 3331: 294.000

Tên người nộp tiền: Nguyễn Thành Vinh

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Sivico

Địa chỉ: Lô D1 KCN Tràng Duệ, X. Hồng Phong, H. An Dương, TP Hải Phòng

Lý do thu: thu tiền hàng tháng 3 theo HĐGTGT số 0000136 ngày 05/3/2016

Số tiền: 3.324.000

Bằng chữ: Ba triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2016

Giám Đốc	Kế Toán Trưởng	Thủ Quỹ	Người Lập Phiếu	Người Nộp Tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3 – Phiếu thu số 26/03

Đơn vị: **Công ty Cổ phần BCG Việt Nam**

(Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTCBTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
						
03/3	PX13/03	03/3	Xuất kho nước lavie bình 19L	632 156	6.853.790	6.853.790
03/3	HĐ0000125 GBC03/3	03/3	Bán nước tinh khiết lavie bình 19L cho công ty xây lắp điện Nam Phong thu bằng TGNH	112 511 3331	9.300.000	8.454.545 845.455
						
05/3	PX23/03	05/3	Xuất kho nước tinh khiết Aquafina chai 500ml	632 156	2.712.000	2.712.000
05/3	HĐ0000136 PT26	05/3	Bán nước tinh Aquafina chai 500ml cho công ty CP Sivico thu bằng tiền mặt	111 511 3331	3.234.000	2.940.000 2.940.000
				...		
11/9	PN20/09 HĐ664	11/9	Mua nước tinh khiết của chi nhánh Công ty TNHH nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại tỉnh Bắc Ninh chưa TT	156 133 331	44.000.000 4.400.000	48.400.000
						
15/9	PX25/9	15/9	Xuất kho nước tinh khiết aquafina chai 500ml	632 156	3.520.000	3.520.000
15/9	PT 27/9 HĐ522	15/9	Bán nước tinh khiết aquafina cho đại lý Dũng Hà	111 511 3331	4.180.000	3.800.000 380.000
		..		...		
			Cộng phát sinh		18.039.406.170	18.039.406.170

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)**Biểu số 2.5: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016**

Đơn vị: **Công ty Cổ phần BCG Việt Nam**

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

(Mẫu số S03b-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTCBTC)**SỔ CÁI**Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số phát sinh			
						
02/3	GBC02/3	02/3	Bán nước Tinh khiết Aquafina cho ngân hàng TMCP Á Châu	112		950.000
03/3	GBC 03/3	03/3	Bán nước tinh khiết lavie bình 19L cho công thy CP xấy lắp điện Nam Phong	112		8.454.545
05/3	PT26/3	05/3	Bán nước tinh khiết Aquafina chai 500ml cho công ty CP Sivico thu bằng tiền mặt	111		2.940.000
						
15/9	PT27/09	15/9	Bán nước tinh khiết aquafina cho đại lý Dũng Hà	111		3.800.000
						
31/12	PKT 27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu năm 2016	911	4.427.916.060	
			Cộng phát sinh		4.427.916.060	4.427.916.060

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK511

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam

2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng bán đã xuất trong kỳ. Công ty tính giá vốn theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Việc tính toán trị giá vốn của hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng, bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa, trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó, nếu không phản ánh đúng trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó nếu không phản ánh đúng trị giá vốn sẽ dẫn đến kết quả bán hàng bị sai lệch.

Đơn giá xuất kho của hàng tồn kho luôn được thay đổi dựa trên sự thay đổi của đơn giá nhập kho của hàng tồn kho. Tức là sau mỗi lần mua hàng tồn kho về doanh nghiệp kế toán phải thực hiện tính lại đơn giá hàng nhập kho dựa trên giá trị và số lượng hàng tồn kho đang có tại doanh nghiệp.

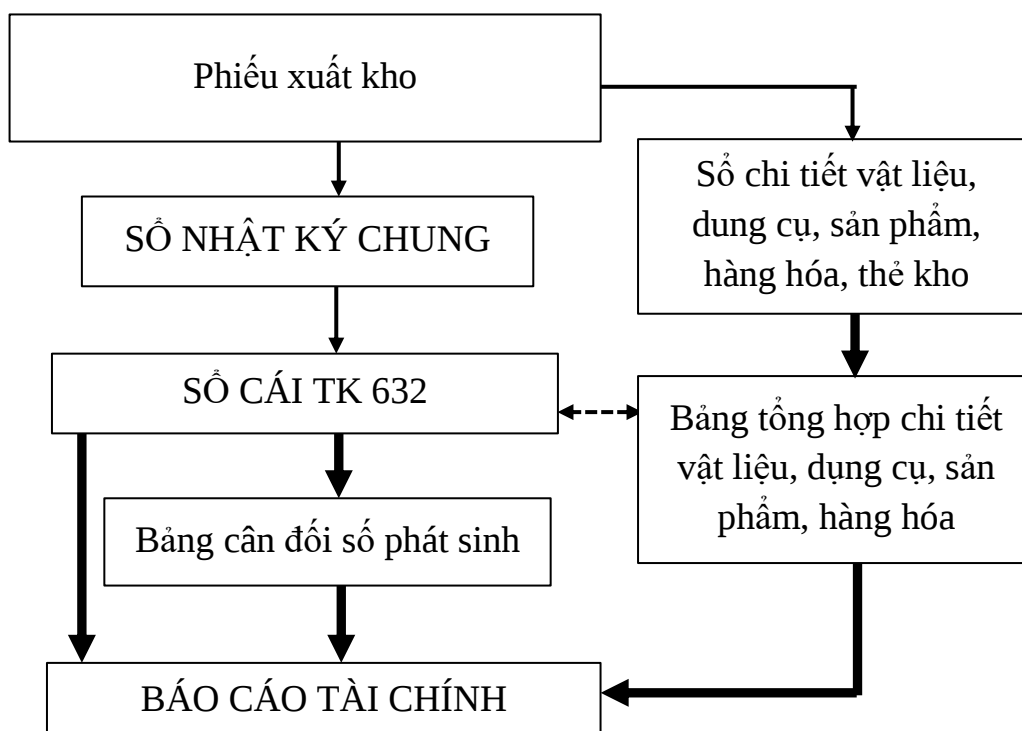
Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

$$\text{Đơn giá xuất kho của hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- Chứng từ kế toán sử dụng:
 - Phiếu xuất kho
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- Tài khoản kế toán sử dụng
 - Tài khoản 632
 - Giá vốn hàng bán
 - Tài khoản 156 – Hàng hóa.

2.2.2.3 Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam được khái quát bằng sơ đồ 2.5



Sơ đồ 2.5 – Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để vào sổ cái tài khoản 632.

Cuối quý, năm kế toán tập hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ đó lập Báo cáo tài chính.

➤ Ví dụ minh họa:

Ví dụ 3 (minh họa tiếp ví dụ 1)

Ngày 03/3/2016 Công ty bán hàng cho công ty Cổ phần xây lắp điện Nam Phong 155 bình nước tinh khiết lavie bình 19L đơn giá 60.000đ/bình (giá có thuế VAT 10%) đã thu bằng tiền gửi ngân hàng:

Kế toán định khoản bút toán giá vốn:

Nợ TK 632: 6.853.790

Có TK 156: 6.853.790

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 13/3 (Biểu số 2.7), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.9). Từ số liệu trên vào Sổ Cái TK 632 (Biểu số 2.10). Công ty tính trị giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn như sau:

- Tồn đầu tháng 03/2016 là 1.335 bình nước tinh khiết Lavie 19L đơn giá 43.000đ/bình, thành tiền: 57.405.000đ.

- Ngày 1/3/2016 công ty bán cho đại lý Dũng Huyền 50 bình Lavie 19L:

Trị giá xuất ngày 1/3/2016 := 43.000 x 50 = 2.150.000 đ

- Ngày 2/3/2016 Mua 2.000 bình nước tinh khiết Lavie bình 19L đơn giá 45.000 đ/bình, đơn giá chưa VAT 10% chưa thanh toán

- **Ngày 03/3 Bán hàng cho công ty cổ phần xây lắp điện Nam Phong 155 bình với đơn giá xuất được tính như sau:**

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{1285 \times 43.000 + 2.000 \times 45.000}{1285 + 2000} = 44.218 \text{ đ}$$

- Trị giá xuất kho ngày 3/3/2016 = 44.218 x 155 = 6.853.790 đ

Ví dụ 4: Ngày 05/3/2016 Công ty bán hàng cho công ty cổ phần Sivico 30 thùng nước tinh khiết Aquafina 500ml đơn giá 98.000 (giá chưa VAT 10%) đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản giá vốn:

Nợ TK 632: 2.712.000

Có TK 156: 2.712.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho 23/3 (biểu số 2.8), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.9). Từ số liệu trên vào sổ cái TK 632 (Biểu số 2.10).

- Đơn giá xuất kho thùng nước tinh khiết Aquafina chai 500ml được tính như sau:

- Tồn đầu tháng: 435 thùng, đơn giá 88.905 đ/thùng

Ngày 01/3 mua 250 thùng nước tinh khiết aquafina chai 500ml, đơn giá chưa VAT 93.000đ/thùng của Công ty TNHH nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại tỉnh Bắc Ninh chưa TT

Ngày 05/3/2016 Công ty bán hàng công ty cổ phần Sivico 30 thùng nước tinh khiết 500 ml đơn giá 97.000 đ (giá chưa VAT 10%) đã thu bằng tiền mặt.

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{88.905 \times 435 + 93.000 \times 250}{435 + 250} = 90.400 \text{ đ/ thùng}$$

Trị giá xuất ngày 05/3 = 90.400 x 30 = 2.712.000 đ

Đơn vị: Công ty Cổ phần BCG Việt Nam

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, P.Ngọc Sơn,Q.
Kiến An, HP

Mẫu số 02 – VT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 03 tháng 3 năm 2016

Số: 13/03

Nợ TK: 632

Có TK:156

Họ và tên người nhận: : Phạm Thị Hồng Yến

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Theo hóa đơn 000125 của công ty CP xây lắp điện Nam Phong

Xuất tại kho: Kho số 2

Địa điểm: Số 185 đường Phan Đăng Lưu, Phường Ngọc Sơn, Kiến An, Hải Phòng

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nước tinh khiết lavie 19L	Lavie19L	Bình	155	155	44.218	6.853.790
	Cộng				155	44.218	6.853.790

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng./.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 03 tháng 3 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 13/03

Đơn vị: Công ty Cổ phần BCG Việt Nam

Mẫu số 02 – VT

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc Sơn, Kiến An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 05 tháng 3 năm 2016

Số: 23/03

Nợ TK: 632

Có TK: 156

Họ và tên người nhận: : Phạm Thị Hồng Yên

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Theo hóa đơn 0000136 - Công ty CP Sivico 30 thùng nước
tinh khiết Aquafina chai 500 ml

Xuất tại kho: Kho số 2

Địa điểm: Lô D1, KCN Tràng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, TP Hải Phòng

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nước tinh khiết Aquafina 500 ml	AQUA500	Bình	30	30	90.400	2.712.000
	Cộng				30	90.400	2.712.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng chẵn./.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 05 tháng 3 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho số 23/03

Đơn vị: Công ty Cổ phần BCG Việt Nam

(Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTCBTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
						
03/3	PX13/03	03/3	Xuất kho nước lavie bình 19L	632 156	6.853.790	6.853.790
03/3	HĐ0000125 GBC03/3	03/3	Bán nước tinh khiết lavie bình 19L cho công ty CP XLĐ Nam Phong bằng CK	112 511 3331	9.300.000	8.454.545 845.455
....		...				
05/3	PX23/03	05/3	Xuất kho nước tinh khiết Aquafina chai 500ml	632 156	2.712.000	2.712.000
05/3	HĐ0000136 PT26/3	05/3	Bán nước tinh khiết Aquafina chai 500ml cho cty CP Sivico thu bằng tiền mặt	111 511 3331	3.234.000	2.940.000 2.940.000
...						
11/9	PN20/9	11/9	Mua nước tinh khiết của chi nhánh Công ty TNHH nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại tỉnh Bắc Ninh chưa TT	156 133 331	44.000.000 4.400.000	48.400.000
						
			Cộng phát sinh		18.039.406.170	18.039.406.170

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.9: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: **Công ty Cổ phần BCG Việt Nam**

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

(Mẫu số S03b-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTCBTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số phát sinh			
						
03/3	PX13/03	03/3	Xuất kho nước lavie bình 19L	156	6.853.790	
						
05/3	PX23/03	05/3	Xuất kho nước tinh khiết Aquafina chai 500ml	156	2.712.000	
						
12/5	PX64/05	12/5	Xuất kho nước tinh khiết aquafina chai 500ml	156	2.689.800	
						
30/7	PX52/07	30/7	Xuất kho nước tinh khiết aquafina chai 1500ml	156	15.000.000	
.....						
31/12	PKT 28/12	31/12	Kết chuyển giá vốn năm 2016	911		3.515.668.973
			Cộng phát sinh		3.515.668.973	3.515.668.973

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.10 - Trích sổ cái TK 632

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty**2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh**

Tại công ty Cổ Phần BCG Việt Nam, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

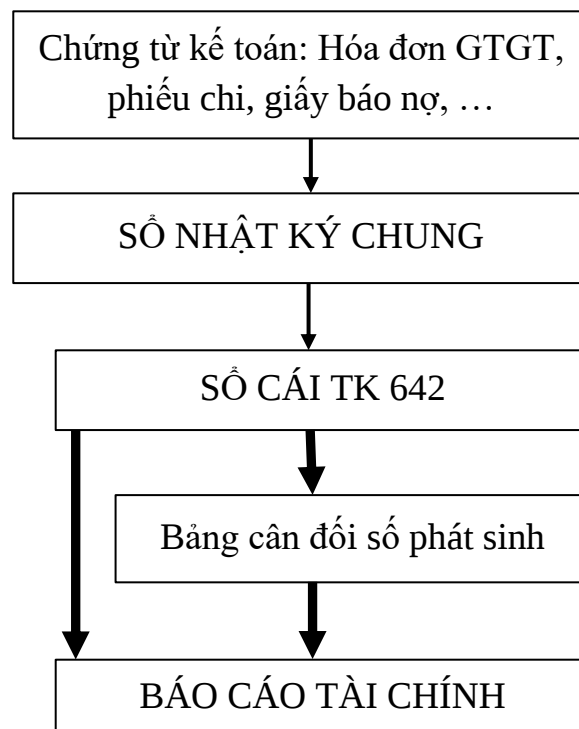
- + Chi phí về lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý doanh
- + Chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí về đồ dùng văn phòng, các khoản chi phí khác,...

2.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo Nợ ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”
- Các tài khoản khác có liên quan

2.2.3.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại công ty

Cổ phần BCG Việt Nam

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:



Ví dụ minh họa:

Ví dụ 5: Ngày 8/10/2016 công ty chi tiền mặt thanh toán tiền cước điện thoại của bộ phận bán hàng với số tiền 841.972 đồng (Đã có VAT 10%).

Kế toán hạch toán: Nợ 6421: 756.338

Nợ 133: 75.634

Có TK 111: 841.972

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông (**Biểu số 2.11**) và các chứng từ có liên quan, kế toán lập phiếu chi (**Biểu số 2.12**)

Kế toán vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.13**) và sổ cái (**Biểu số 2.14**).



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE
(VAT)

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03
Ký hiệu: AC/2016T
Số: 294559

Liên 2: Giao cho người mua (customer copy)

Mã số thuế: 02000287977

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng - TT dịch vụ khách hàng

Tên khách hàng: (customer's name): Công ty Cổ phần BCG Việt Nam

MST: 0201222147

Địa chỉ: Tổ 6 khu 2, phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, TP Hải Phòng, Việt Nam.

Số điện thoại: 031.3833.129

Mã số (code): HPG-10-001291

Hình thức thanh toán: TM/CK

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VNĐ
	KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 9/2016				
1.	Cước dịch vụ viễn thông				756.340
2.	Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
3.	Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
4.	Trừ đặt cọc + Trích + thưởng + nợ				0
Cộng tiền dịch vụ (total) (A)					756.340
Thuế suất GTGT (VAT rate) = 10% x (1) = VAT amount) (B)					75.634
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (A+B)					831.974

Số tiền viết bằng chữ: Tám trăm ba mươi một nghìn, chín trăm bảy mươi bốn đồng./.

Ngày 8 tháng 10 năm 2016

Người nộp tiền ký
(Signature)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Biểu 2.11 – Hóa đơn viễn thông

Đơn vị: công ty CP BCG Việt Nam
Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn,
Kiến An, HP

Mẫu số 02 – TT
QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Quyển số: ...
Số: 05/10 :

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 10 năm 2016

Nợ TK 6421: 756.340

Nợ TK 133: 75.634

CóTK 111: 831.974

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Thị Hồng Yên

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán cước viễn thông tháng 9/2016

Số tiền: 831.974

Viết bằng chữ: Tám trăm ba mươi một nghìn, chín trăm bảy mươi bốn đồng./.

Kèm theo:.....01.....chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Tám trăm ba mươi một nghìn, chín trăm bảy mươi bốn đồng.

Ngày 08 tháng 10 năm 2016

Giám đốc Kế toán trưởng Thủ quỹ Người lập phiếu Người nhận tiền
(Ký tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.12 – Phiếu chi số 5/10

Đơn vị: **Công ty Cổ phần BCG Việt Nam**

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

(Mẫu số S03a-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTCBTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
		...		...		
03/3	PX13/3	03/3	Xuất kho nước lavie bình 19L	632 156	6.853.790	6.853.790
03/3	HĐ0000125 GBC03/3	03/3	Bán nước tinh khiết lavie bình 19L cho công ty CP XLĐ Nam Phong bằng CK	112 511 3331	9.300.000	8.454.545 845.455
....						
05/3	PX23/3	05/3	Xuất kho nước tinh khiết Aquafina chai 500ml	632 156	2.712.000	2.712.000
05/3	HĐ0000136 PT26/3	05/3	Bán nước tinh khiết Aquafina chai 500ml cho cty CP Sivico thu bằng TM	111 511 3331	3.234.000	2.940.000 2.940.000
						
11/9	PN20/09	11/9	Mua nước tinh khiết của chi nhánh Công ty TNHH nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại tỉnh Bắc Ninh chưa thanh toán	156 133 331	44.000.000 4.400.000	48.400.000
						
8/10	PC05/10	8/10	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông	6421 133 111	756.340 75.634	831.974
		...				
			Cộng phát sinh		18.039.406.170	18.039.406.170

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.13: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: **Công ty Cổ phần BCG Việt Nam**

(Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTCBTC)**SỔ CÁI**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số phát sinh			
						
8/10	PC05/10	8/10	Thanh toán dịch vụ viễn thông	111	756.340	
.....						
27/10	PC21/10	27/10	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	1.638.000	
						
28/10	PC22/10	28/10	Chi tiền tiếp thị, quảng cáo	111	4.000.000	
						
31/12	PKT 28/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911		537.894.021
			Cộng phát sinh		537.894.021	537.894.021

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.14: Trích sổ cái TK 642

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.4.1 Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính của công ty Cổ phần BCG Việt Nam bao gồm các khoản lãi như lãi tiền gửi ngân hàng.
- Trong năm 2016, công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính.

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

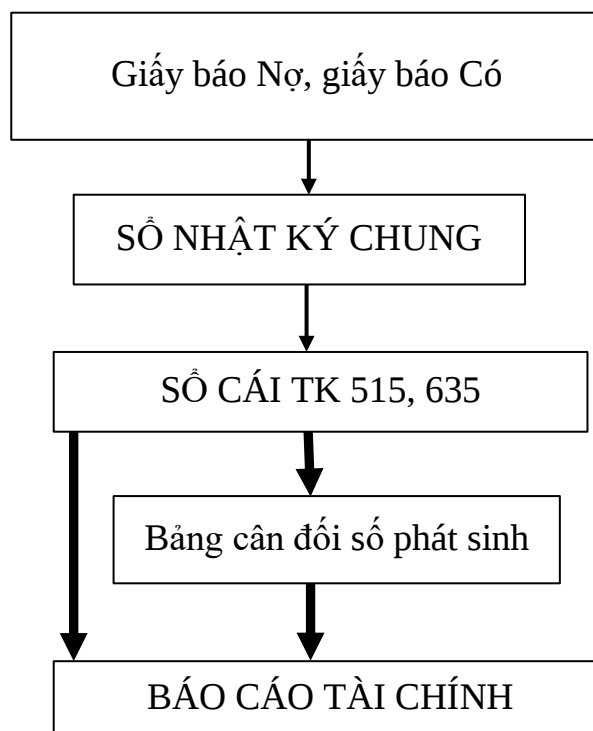
- Giấy báo Có
- Phiếu trả lãi tài khoản

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
- Các tài khoản khác có liên quan như TK 112,...

2.2.4.4. Quy trình hạch toán

đó kế toán lập hóa đơn GTGT bán hàng hóa.



Sơ đồ 2.7: quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: $\longrightarrow$

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 6: Ngày 25/10/2016 ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu trả lãi tiền gửi, số tiền là 285.148 đồng.

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng (**biểu số 2.16**). Kế toán ghi sổ nhật ký chung và Sổ Cái tài khoản 515 (**biểu số 2.17**)

Kế toán định khoản:



Chi nhánh : CN Hải Phòng

GIAY BAO CO

Ngày 25/10/2016

Mã GDV: BUI

THI HOA

Mã KH: 64213

Số GD: 3677

Kính gửi: Công ty cổ phần BCG Việt Nam

Mã số thuế: 0201222147

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có 0118100006403005

Số tiền bằng số 285.148

Số tiền bằng chữ Hai trăm tám mươi lăm ngàn một trăm bốn mươi tám đồng.

Nội dung Lai nhập vốn

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.15: Giấy báo có 25/10 – Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu

Đơn vị: **Công ty Cổ phần BCG Việt Nam**

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

(Mẫu số S03a-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
		...				
03/3	PX13/03	03/3	Xuất kho nước lavie bình 19L	632 156	6.853.790	6.853.790
03/3	HĐ0000125 GBC03/3	03/3	Bán nước tinh khiết lavie bình 19L cho công ty CP XLĐ Nam Phong bằng CK	112 511 3331	9.300.000	8.454.545 845.455
						
25/10	GBC 25/10	25/10	Lãi tiền gửi tháng 10	112 515	285.148	285.148
						
8/10	PC05/10	8/10	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông	6421 133 111	756.340 75.634	831.974
27/10	PC21/10	27/10	Chi tiền mua VPP	6422 133 111	1.638.000 163.800	1.801.800
		...				
			Cộng phát sinh		18.039.406.170	18.039.406.170

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: **Công ty Cổ phần BCG Việt Nam**

(Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng**SỔ CÁI**Tài khoản 515 – doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số phát sinh			
						
25/10	GBC 25/10	25/10	Lãi tiền gửi tháng 10	112		285.148
25/11	GBC 25/11	25/11	Lãi tiền gửi tháng 11	112		167.539
25/12	GBC 25/12	25/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112		120.367
						
31/12	PKT 27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.986.354	
			Cộng phát sinh		1.986.354	1.986.354

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17: Trích sổ cái TK 515

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2016, công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

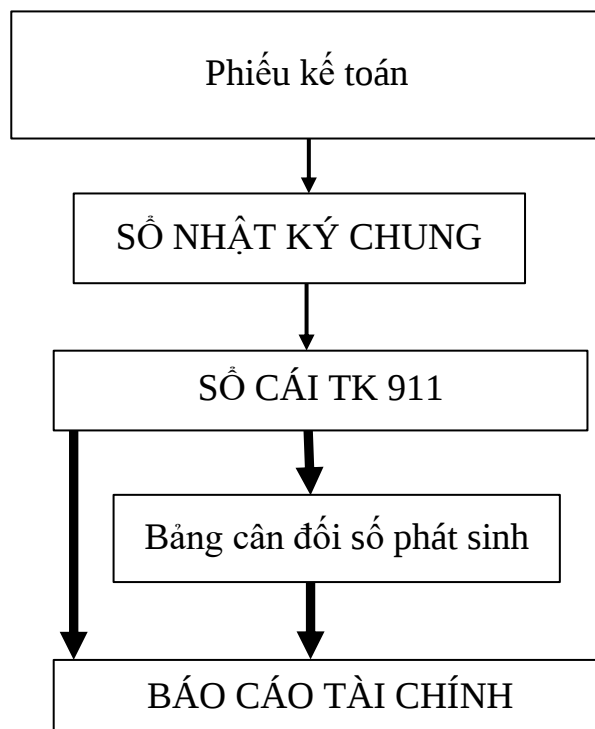
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

2.2.6.2 Tài khoản sử dụng

- TK 632 “Giá vốn hàng bán”
- TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính”
- TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”
- TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”
- TK 911 “Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh”
- TK 421 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối”
- TK 711 “Thu nhập khác”
- TK 811 “Chi phí khác”

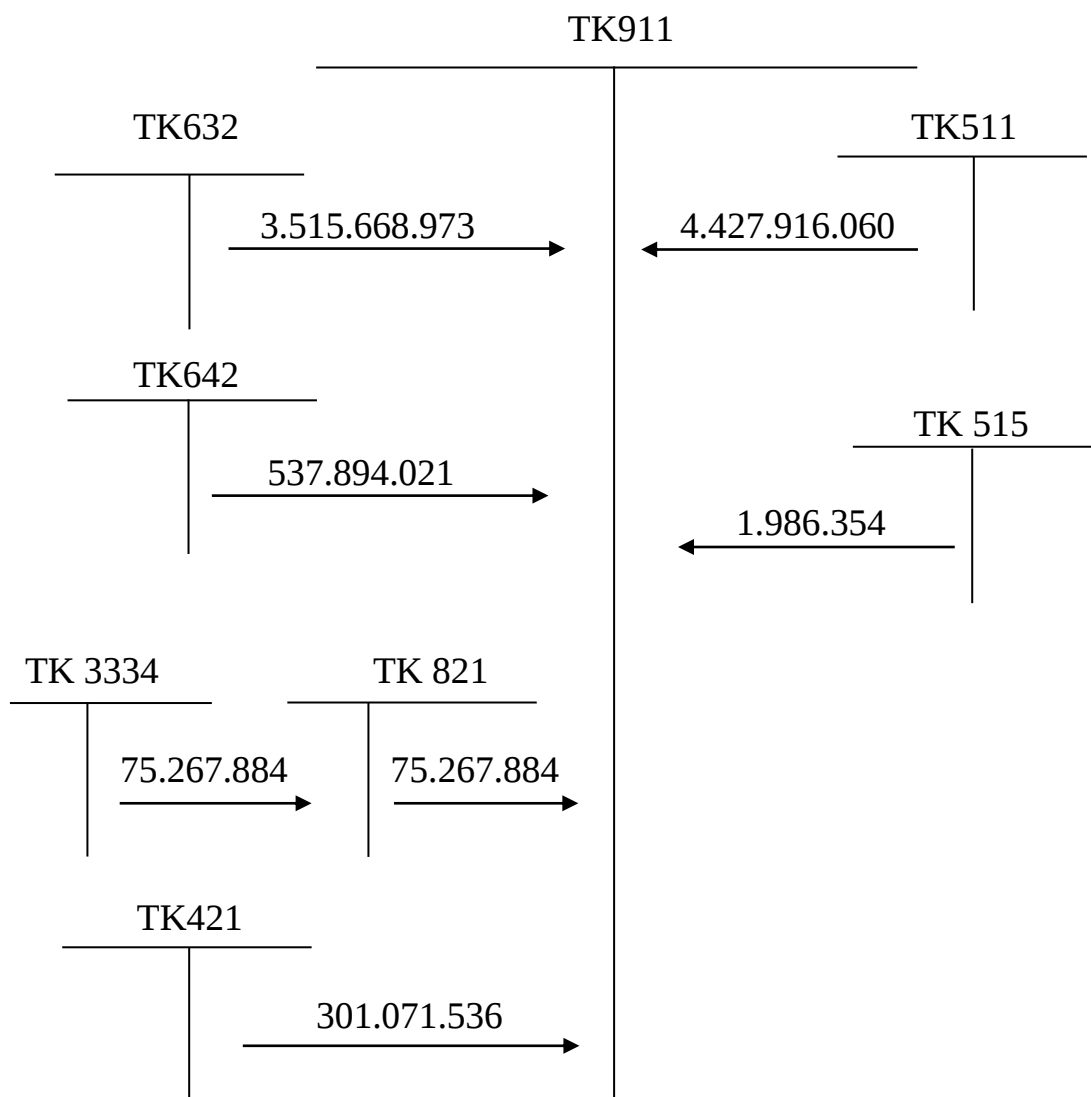
2.2.6.4. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.8: quy trình hạch toán doanh thu động tài chính tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: $\longrightarrow$



Sơ đồ 2.9 – Xác định kết quả kinh doanh năm 2016 của công ty

Cuối năm căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, kế toán lập các phiếu kế toán để ghi sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 911.

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận trước thuế} &= 4.427.916.060 + 1.986.354 - 3.515.668.973 - \\ &537.894.021 \\ &= 376.339.420 \end{aligned}$$

$$\text{Khi đó thuế TNDN} = 376.339.420 \times 20\% = 75.267.884$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = 376.339.420 - 75.267.889 = 301.071.536$$

Kết quả kinh doanh năm 2016 của doanh nghiệp là lãi.

Ngày 31 tháng 12, kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh của năm 2016

Đơn vị: Công ty cổ phần BCG Việt Nam

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 27/12

ĐVT: đồng

Diễn giải: kết chuyển doanh thu 2015

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
511	Kết chuyển doanh thu bán hàng	4.427.916.060	
515	Doanh thu hoạt động tài chính	1.986.354	
911	Xác định kết quả kinh doanh		4.425.929.706
	Cộng	4.425.929.706	4.425.929.706

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18: Phiếu kế toán số 28/12

Đơn vị Đơn vị: công ty CP BCG Việt Nam

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 28/12

ĐVT: đồng

Diễn giải: kết chuyển chi phí 2015

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	4.053.562.994	
632	Giá vốn hàng bán		3.515.668.973
642	Chi phí quản lý kinh doanh		537.894.021
	Cộng	4.053.562.994	4.053.562.994

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 29/12

Đơn vị: Công ty cổ phần BCG Việt Nam

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 29/12

ĐVT: đồng

Diễn giải: Xác định thuế TNDN phải nộp năm 2016

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
821	Chi phí thuế TNDN	75.267.884	
3334	Thuế TNDN		75.267.884
	Cộng	75.267.884	75.267.884

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.120: Phiếu kế toán số 30/12

Đơn vị Đơn vị: công ty CP BCG Việt Nam

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 30/12

ĐVT: đồng

Diễn giải: kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2016

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	75.267.884	
821	Chi phí thuế TNDN		75.267.884
	Cộng	75.267.884	75.267.884

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21– Phiếu kế toán số 31/12

Đơn vị: Công ty cổ phần BCG Việt Nam

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 31/12

ĐVT: đồng

Diễn giải: Kết chuyển lãi năm 2016

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	301.071.536	
421	LN chưa phân phối		301.071.536
	Cộng	301.071.536	301.071.536

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22– Phiếu kế toán số 31/12

Đơn vị: **Công ty Cổ phần BCG Việt Nam**

(Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTCBTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
		...				
31/12	PKT27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	511 911	4.427.916.060	4.427.916.060
31/12	PKT27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	1.986.354	1.986.354
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	3.515.668.973	3.515.668.973
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911 642	537.894.021	537.894.021
31/12	PKT29/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821 3334	75.267.884	75.267.884
31/12	PKT30/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	75.267.884	75.267.884
31/12	PKT31/12	31/12	Kết chuyển lãi	911 421	301.071.536	301.071.536
			Cộng phát sinh		18.039.406.170	18.039.406.170

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.23: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: **Công ty Cổ phần BCG Việt Nam**

(Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTCBTC)**SỔ CÁI**

Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số phát sinh			
31/12	PKT27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	511		4.427.916.060
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.986.354
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	3.515.668.973	
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	537.894.021	
31/12	PKT30/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	75.267.884	
31/12	PKT31/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	301.071.536	
			Cộng phát sinh		4.492.902.414	4.492.902.414

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.24: Trích sổ cái TK 91

Đơn vị: **Công ty Cổ phần BCG Việt Nam**

Địa chỉ: Số 5B/70 tổ 6, khu 2, Ngọc sơn, Kiến An, HP

(Mẫu số S03b-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTCBTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số phát sinh			
31/12	PKT29/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	75.267.884	
31/12	PKT30/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		75.267.884
			Cộng phát sinh		75.267.884	75.267.884

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25: Trích sổ cái TK 821

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
	(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
1	1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	4.427.916.060	3.113.697.080
2	2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	3.Doanh thu thuần về bán hàng cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		4.427.916.060	3.113.697.080
4	4.Giá vốn hàng bán	11		3.515.668.973	2.576.997.665
5	5.Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		912.247.087	536.699.415
6	6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.986.354	1.002.334
7	7.Chi phí tài chính	22		0	0
8	8.-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
9	9.Chi phí quản lý kinh doanh	24		537.894.021	389.110.002
10	10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		376.339.420	148.591.747
11	11.Thu nhập khác	31		0	0
12	12.Chi phí khác	32		0	0
13	13.Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
14	14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	376.339.420	148.591.747
15	15.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		75.267.884	29.718.349
16	16.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		301.071.536	118.873.398

Lập ngày 15 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số - 2. 26: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BCG VIỆT NAM

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam

Công ty cổ phần BCG Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước uống tinh khiết. Được thành lập trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế thế giới và phải đối mặt với những khó khăn không hề nhỏ từ đối thủ cạnh tranh. Qua nhiều năm phấn đấu và không ngừng vươn lên, công ty cổ phần BCG Việt Nam đã chứng minh được vị thế của mình trên thị trường trong ngành kinh doanh mặt hàng nước uống tinh khiết. Hiện công ty đang kinh doanh chủ yếu mặt hàng nước uống tinh khiết như Lavie, Aquafina, Asami với nhiều dung tích khác nhau. Năm bắt được cơ hội kinh doanh đang trên đà phát triển của mình, trong thời gian gần đây công ty còn mở rộng kinh doanh sang mặt hàng nước ngọt và đồ uống không cồn.

Với chiến lược kinh doanh đúng đắn, đến nay công ty là một doanh nghiệp lớn mạnh và uy tín trên địa bàn thành phố hải Phòng và một số tỉnh lân cận. Để đạt được những thành tựu đó không thể không kể đến sự nỗ lực, cống hiến của cán bộ công nhân viên công ty nói chung và phòng kế toán tài chính nói riêng đã đóng vai trò quan trọng trong thành tựu chung mà công ty đã đạt được trong thời gian qua..

Công ty đã thực hiện chuyên môn hóa lao động kế toán, mỗi người phụ trách một phần hành cụ thể không chồng chéo, đảm bảo trách nhiệm của mỗi người trong công việc và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao. Qua quá trình thực tập và tìm hiểu tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam, được tiếp nhận thực tế công tác nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng sự giúp đỡ của các anh, chị phòng kế toán tài chính, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố kiến thức đã học tại trường. Qua đó em xin phép được đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thành công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam.

3.1.1. Ưu điểm

Nhìn chung công tác kế toán ở công ty đã dựa trên căn cứ khoa học, đặc điểm tình hình thực tế của công ty và vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán tài chính hiện hành. Đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp kế toán, các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác liên quan.

Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy Kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Toàn bộ công tác kế toán được ghi chép, xử lý tại phòng Kế toán. Chức năng nhiệm vụ của các mỗi kế toán viên được phân công rõ ràng và phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người, không chồng chéo lên nhau. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp số liệu kế toán lên Báo cáo tài chính và phải chịu trách nhiệm với những sai sót đã làm. Nhờ cách tổ chức bộ máy kế toán khoa học, mà các số liệu kế toán của công ty luôn nhanh chóng, kịp thời, chính xác và giảm thiểu tối đa những gian lận sai sót.

Bộ máy kế toán công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Mỗi nhân viên phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm với những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Bên cạnh đó các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. chính vì vậy tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận sai sót.

Về hình thức kế toán:

Về hình thức kế toán mà công ty đang áp dụng hệ thống kế toán “ Sổ nhật ký chung”. Hình thức kế toán này chung có ưu điểm là đơn giản, thích hợp với mọi đơn vị kế toán, hạn chế được số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt được số lượng ghi chép, dễ hiểu, dễ làm.

Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và áp dụng phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này hoàn toàn phù hợp với doanh nghiệp. Phương pháp này theo dõi được thường xuyên, liên tục tình hình hàng nhập xuất tại công ty một cách thường

xuân đảm bảo quá trình kinh doanh của công ty không bị gián đoạn, đồng thời không bị ứ đọng hàng hóa trong kho.

Về chứng từ kế toán và việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ:

Nhìn chung các số liệu được luân chuyển trên các chứng từ, sổ sách một cách chính xác rõ ràng, đúng trình tự, nhanh chóng, kịp thời và phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ Tài chính ban hành thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Giữa các phòng ban, bộ phận có sự kết hợp chặt chẽ trong việc hoàn chỉnh chứng từ, nhờ đó tạo điều kiện cho công tác theo dõi chứng từ các bộ phận có liên quan được thuận lợi. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Kế toán phần hành nào thì lưu trữ chứng từ của phần hành đó, không chồng chéo lên nhau, nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

Quá trình luân chuyển chứng từ diễn ra một cách hợp lý giữa các khâu. Kế toán công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hành thức kế toán nhật ký chung. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành nhanh chóng, kịp thời.

Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của Bộ tài chính (Hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính) dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Về việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh

Về tổ chức công tác kế toán doanh thu

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về doanh thu bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

Về công tác kế toán chi phí:

Công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời phát sinh. Qua đó các nhà quản lý giảm thiểu tối đa các loại chi phí tránh lãng phí không cần thiết để tối đa hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp

Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty tương đối chính xác và nhanh chóng, cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình kinh doanh của công ty cho Ban giám đốc. Việc ghi chép dựa theo chế độ kế toán hiện hành mà doanh nghiệp đang áp dụng theo tình hình kinh doanh thực tế.

3.1.2. Một số mặt hạn chế về công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.

Bên cạnh những ưu điểm trên. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vẫn còn những hạn chế sau:

- Về bộ máy kế toán:

Hiện nay công ty đã trang bị đầy đủ hệ thống máy vi tính nhưng kế toán chưa áp dụng phần mềm kế toán để quản lý mà vẫn sử dụng thủ công trên Excel. Vì vậy đôi lúc vẫn chưa xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Để phát huy hết công dụng của máy vi tính trong việc quản lý và giảm bớt khối lượng của công việc kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán như: Misa, Fast,... để công việc quản lý sổ sách kế toán được thực hiện nhanh gọn hơn.

- Về hệ thống sổ sách kế toán:

Hệ thống sổ sách của công ty chỉ bao gồm những sổ tổng hợp mà không có hệ thống sổ chi tiết. Ví dụ như:

+ Công ty không lập sổ chi tiết bán hàng, nên rất khó tính được doanh thu cho từng mặt hàng cụ thể. Công ty cũng không lập sổ chi tiết chi phí nên cũng rất khó biết được chính xác giá vốn từng mặt hàng. Do đó, không có thông tin về lãi gộp của từng mặt hàng.

- Về quy trình luân chuyển chứng từ.

Mọi chứng từ được luân chuyển giữa các nhân viên kế toán và thủ kho về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

- Về chính sách bán hàng.

Công ty nên có những chính sách bán hàng một cách linh hoạt hơn như áp dụng chính sách chiết khấu bán hàng khi mua với số lượng lớn, chiết khấu thanh toán để thu hồi vốn nhanh hơn và tăng tốc độ thu hồi vốn.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần BCG Việt Nam.

3.2.1 Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Công ty cổ phần BCG Việt Nam có đội ngũ kế toán đồng đều về trình độ, luôn đoàn kết thống nhất với nhau để thực hiện tốt nhiệm vụ, cung cấp đầy đủ thông tin cho bộ phận quản lý, góp phần không nhỏ vào sự phát triển của doanh

nghiệp. Tuy nhiên những tồn tại là tất yếu trong bất kỳ bộ phận nào kể cả bộ máy kế toán. Do vậy yêu cầu hoàn thiện luôn được đặt ra.

Tổ chức được bộ máy kế toán hiệu quả sẽ giúp cho nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ một cách kịp thời, chính xác. Từ đó giúp nhà quản lý xây dựng được kế hoạch, chiến lược phát triển doanh nghiệp và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững.

Để có bộ máy kế toán hoạt động hiệu quả, giúp doanh nghiệp hoàn thành được các chỉ tiêu về doanh thu cần phải biết khắc phục triệt để những hạn chế còn tồn tại. từ đó sẽ nâng cao năng lực và hoạt động hiệu quả của bộ máy, đảm bảo số liệu được chính xác, khách quan giúp các nhà quản lý đưa ra quyết định đúng trong quá trình phát triển của doanh nghiệp.

3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Công tác hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua vào đến tiêu thụ. Vì vậy hạch toán đúng phần hành này không những xác định đúng kết quả kinh doanh mà doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ, mà còn giúp nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty bởi thông tin kế toán là thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của doanh nghiệp.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp thì công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải ngày càng được hoàn thiện để đáp ứng tốt sự thay đổi của doanh nghiệp, chế độ kế toán, để công tác kế toán là trợ thủ đắc lực cho lãnh đạo công ty và Cơ quan quản lý nhà nước. Các số liệu kế toán chính xác và nhanh chóng sẽ giúp các nhà quản trị theo dõi được tình hình tiêu thụ sản phẩm và các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh. Từ các số liệu đó, sẽ giúp các nhà quản trị đưa ra phương hướng kinh doanh cụ thể cho kì kinh doanh tiếp theo.

3.2.3. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần BCG Việt Nam.

Đổi mới, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là nhu cầu tất yếu của doanh nghiệp, tuy nhiên cần phải tôn trọng một số nguyên tắc sau:

- + Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở;
- + Đảm bảo thống nhất các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh;
- + Đảm bảo thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán;
- + Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp, sử dụng phần mềm kế toán, áp dụng công nghệ kỹ thuật vào quá trình hạch toán kế toán;
- + Tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán mà nhà nước ban hành. Kế toán là công cụ quản lý quan trọng của nhà nước, do đó tuân thủ đúng khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý;
- + Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh;
- + Hoàn thiện dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại công ty, cùng với những kiến thức mà em đã học được trong nhà trường, em xin mạnh dạn đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần BCG Việt Nam.

3.2.4.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty

Khi hạch toán doanh thu, giá vốn công ty mới chỉ mở sổ kế toán tổng hợp (Sổ nhật ký chung, sổ cái), chưa mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, giá vốn của từng mặt hàng.

Công ty nên sử dụng sổ chi tiết bán hàng (**biểu 3.1**), sổ chi tiết giá vốn (**biểu 3.2**) mở thêm những sổ này giúp kế toán nắm bắt được thông tin tiêu thụ của từng mặt hàng, từ đó xác định lãi gộp của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) giúp cho nhà quản lý có chiến lược kinh doanh đúng đắn.

Mở sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí quản lý kinh doanh. Việc mở sổ chi tiết sẽ giúp kế toán theo dõi cụ thể, chặt chẽ hơn các yếu tố chi phí phát sinh trong kỳ để đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí cho phù hợp.

Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh mở cho tài khoản 632 – chi tiết cho từng mặt hàng, ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Để xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng, ta lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng. Ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý kinh doanh} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{mặt hàng A} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng chi phí quản lý kinh} \\ \text{doanh thực tế phát sinh} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng doanh thu thuần của tất} \\ \text{cả mặt hàng} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần của mặt} \\ \text{hàng A} \end{array}$$

Sau khi phân bổ chi phí quản lý kinh doanh, ta lập bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) (**Biểu 3.3**). Để theo dõi kết quả kinh doanh cuối cùng của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) kế toán có thể mở sổ chi tiết cho TK 911 (**Biểu 3.4**)

Ngày 26/8/2016 Bộ tài chính ban hành thông tư số 133/2016/TT - BTC thay thế cho quyết định 48/2006 từ ngày 01/01/2017. Do đó công ty có thể tham khảo mẫu sổ chi tiết bán hàng, sổ chi phí sản xuất kinh doanh, sổ chi tiết các tài khoản theo như hướng dẫn trong thông tư 133 (biểu 3.1, 3.2, 3.4)

ĐƠN VỊ:

ĐỊA CHỈ:

Mẫu số S16-DNN

*Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của Bộ trưởng BTC*

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư) mã hàng hóa

Năm ...

Quyển số:

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Công số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

Ngày.....tháng..... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.1: Sổ chi tiết chi phí bán hàng

ĐƠN VỊ:

ĐỊA CHỈ:

Mẫu số S17-DNN

*Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của Bộ trưởng BTC*

CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các tài khoản: 154, 631, 642, 242, 632)

Tên tài khoản:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK					
	Số hiệu	Ngày		Tổng số tiền	Chia ra				
									
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			Cộng phát sinh trong kỳ						
			Ghi có TK						
			Số dư cuối kỳ						

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

ĐƠN VỊ:.....

ĐỊA CHỈ:.....

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH TỪNG MẶT HÀNG (NHÓM MẶT HÀNG)

Năm:.....

STT	Tên hàng hóa (nhóm hàng hoá)	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng)	Kết quả kinh doanh

Ngày.....tháng..... năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.3: Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng (nhóm mặt hàng)

ĐƠN VỊ:

ĐỊA CHỈ:

Mẫu số S19 – DNN

Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

(Dùng cho các tài khoản: 138, 141, 911)

Tên tài khoản..... Số hiệu.....

Đối tượng.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

- Sổ này có Trang đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày..... thángnăm

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.4: Mẫu sổ chi tiết tài khoản 911

Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 1 phần 2.2.4 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán ghi bổ sung vào sổ chi tiết hàng bán cho từng mặt hàng cụ thể.

Căn cứ vào hóa đơn số 000134, kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng cho mặt hàng nước tinh khiết Lavie bình 19L (biểu 3.5). căn cứ vào phiếu xuất kho PX05/3, kế toán vào sổ chi tiết giá vốn cho mặt hàng này (biểu 3.6).

Với các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh. Kế toán tiến hành vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.7) để theo dõi cụ thể từng yếu tố chi phí phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG VIỆT NAM
Tổ 6, khu 2, P.Ngọc Sơn, Q.Kiến An, TP. Hải Phòng

Mẫu số S16-DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Nước tinh khiết Lavie
Năm 2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
			Phát sinh trong kỳ						
									
03/3	HĐ0000125	03/3	Bán hàng cho công ty CP xây lắp điện Nam Phong	112	155	54545,5	8.454.545		
			Công số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.5 – Sổ chi tiết bán hàng (Nước tinh khiết Lavie)

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG VIỆT NAM

Tổ 6, khu 2, Phường Ngọc Sơn, Quận Kiến An, TP Hải Phòng

Mẫu số S18-DNN*(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày**26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH****TÀI KHOẢN 632**

Tên sản phẩm, dịch vụ: Nước tinh khiết lavie

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Phát sinh trong năm				
							
03/3	PX13/03	03/3	Bàn hàng cho công ty CP cây lắp điện Nam Phong	156	6.853.790	155	44.218
			Công số phát sinh				

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.6: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh - TK632

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG VIỆT NAM

Tổ 6, khu 2, Phường Ngọc Sơn, Quận Kiến An, TP Hải Phòng

Mẫu số S17-DNN*(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 6421					
	SH	NT			Số tiền	Lương	Vật liệu	...	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí bằng tiền khác
			Số phát sinh trong kỳ							
8/10	PC05	8/10	Thanh toán dịch vụ viễn thông bộ phận bán hàng	111	756.340				756.340	
										
			Cộng phát sinh trong kỳ							
			Số dư cuối kỳ							

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.7: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

3.2.4.2. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán giúp kế toán **tự động hóa rất nhiều thao tác thủ công, giúp công tác kế toán chính xác và nhanh chóng hơn để đưa ra thông tin kịp thời cho nhà quản lý**. Ngoài ra còn giúp doanh nghiệp **tiết kiệm được nhiều loại chi phí và giảm bớt sức lao động**. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như:

Phần mềm kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ **MISA SME.NET 2016**



MISA SME.NET 2016 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch

và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục thuế.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực:

Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Giá: 10.950.000 đồng



Phần mềm kế toán Fast Accounting

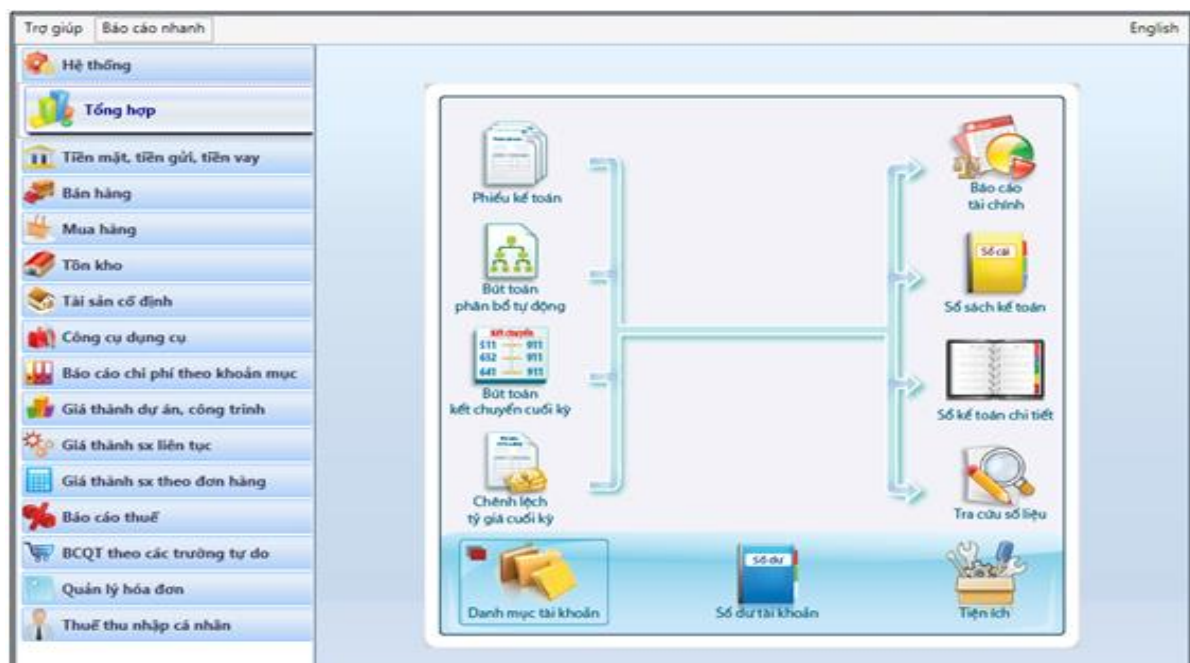


Phần mềm kế toán Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ hoặc mới thành lập. Với bản chuẩn Fast Accounting 11 có thể đáp ứng cho 4 loại hình doanh nghiệp: Dịch vụ, Thương mại, Xây lắp, Sản xuất. Với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp:

- + Dịch vụ - 12 Phân hệ chuẩn.
- + Thương mại - 13 Phân hệ chuẩn.
- + Xây lắp - 14 Phân hệ chuẩn.
- + Sản xuất - 16 Phân hệ chuẩn.

Các phiên bản: Dịch vụ, Thương mại, Xây lắp, Sản xuất đều có những chức năng cơ bản theo hệ thống Kế toán Tài chính Việt Nam. Ngoài ra, mỗi phiên bản sẽ có những phân hệ mang tính chất đặc thù để phù hợp với ngành nghề đó. Nghiệp vụ sẽ phức tạp dần từ Dịch vụ đến Thương mại, Xây lắp và cuối cùng là Sản xuất.

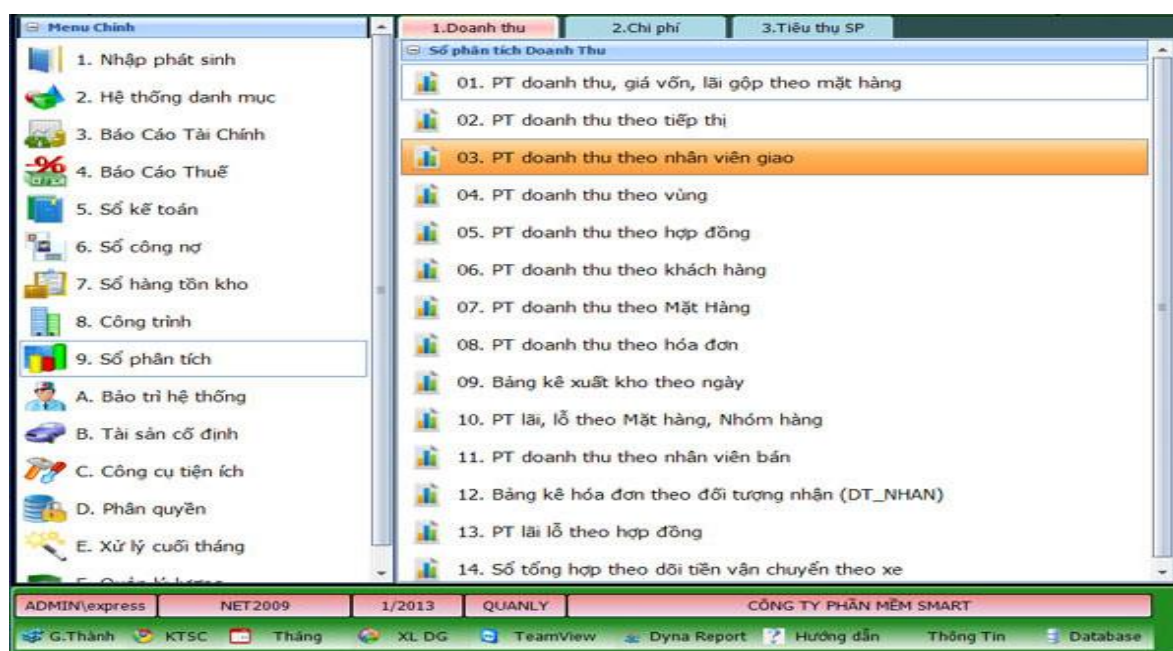
Giá: 8.000.000 đồng



Phần mềm kế toán SMART



Giá: 6.000.000 đồng



Chức năng của phần mềm kế toán Smart

- Theo dõi doanh thu theo vùng miền, theo nhóm khách hàng
- Khai báo đơn giá bán theo vùng và theo nhóm đối tượng
- Theo dõi chi tiết về công nợ theo từng tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, theo hàng hóa, in bảng đối chiếu và xác định công nợ, báo cáo lịch thu tiền...
- Theo dõi hàng tồn kho theo mặt hàng, theo lô và hạn sử dụng, theo nhiều kho, xử lý đơn giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau...

- Theo em công ty nên chọn phần mềm kế toán Fast Accounting, vì giao diện của phần mềm này dễ sử dụng và giá thành hợp lý, các phân hệ kế toán rất phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

3.2.4.3. Hoàn thiện công tác lập dự phòng phải thu khó đòi :

➤ **Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận nợ của bên khách hàng nợ về số tiền nợ, bao gồm :Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ , bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản phải thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn , đang bị cơ quan pháp luật truy tố,...

- Những khoản nợ trên 3 năm trở lên không có khả năng thu hồi nợ được xử lý xóa nợ.

➤ **Phương pháp lập dự phòng:**

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên . Trong đó:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng trích lập
$6 \text{ tháng} \leq T < 1 \text{ năm}$	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
$1 \text{ năm} < T < 2 \text{ năm}$	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
$2 \text{ năm} < T < 3 \text{ năm}$	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$T > 3 \text{ năm}$	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố,...thì doanh nghiệp quy định mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng .

- Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ Tài khoản sử dụng:

Theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC để theo dõi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 1592- Dự phòng phải thu khó đòi

Ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính ban hành Thông tư 133/2016/TT-BTC thay thế cho Quyết định 48/2006/QĐ-BTC từ ngày 01/01/2017. Theo Thông tư 133 thì để theo dõi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi

➤ Phương pháp hạch toán:

NV1: Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch:

Nợ TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi.

NV2: Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay nhỏ hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

NV3. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 138 - Phải thu khác.

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

NV4. Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112, . . .

Có TK 711 - Thu nhập khác.

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

✓ **Ví dụ minh họa :**

Từ bảng kê công nợ và dựa vào mức trích lập dự phòng kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi vào ngày 31/12 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG VIỆT NAM

Tổ 6 khu 2 Phường Ngọc Sơn, Kiến An, Hải Phòng

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được	Ghi chú
Công ty CP xây lắp điện Nam Phong	5.675.906		5.675.906			
Công ty Cổ Phần Sivico	11.354.000		11.354.000			
Công ty TNHH Takahata Việt Nam	24.348.767			24.348.767		8 tháng 4 ngày
Công ty TNHH Delta	15.966.900	15.966.900				
Công ty Ngọc Hà	31.877.690			31.877.690		16 tháng 22 ngày
Công ty cổ phần xây dựng Phúc An	21.110.556			21.110.556		14 tháng 17 ngày
.....						
Tổng cộng	810.333.819	415.966.900	317.029.906	77.337.013		

Biểu 3.8: Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG VIỆT NAM

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên khách hàng	Số tiền Nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty TNHH Takahata Việt Nam	24.348.767	8 tháng 4 ngày	30%	7.304.630
Công ty Ngọc Hà	31.877.690	16 tháng 22 ngày	50%	15.938.845
Công ty cổ phần xây dựng Phúc An	21.110.556	14 tháng 17 ngày	50%	10.555.278
Tổng cộng	77.337.013			33.798.753

Kế toán định khoản :

Nợ TK 6422: 33.798.753

Có TK 2293: 33.798.753

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách liên quan.

Biểu 3.9 : Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

KẾT LUẬN

Mặc dù mới thành lập và trải qua được 4 năm kinh nghiệm, Công ty cổ phần BCG đang từng bước lớn mạnh và chứng tỏ vị thế trên thị trường nước đóng chai trong nước. Đóng góp chung vào thành công đó, công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, trong đó có công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh đang chứng tỏ vai trò như một công cụ quản lý hữu hiệu.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần BCG Việt Nam không những nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý, điều hành kinh doanh mà cũng là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường khả năng cạnh tranh của công ty trong điều kiện hội nhập.

Thời gian thực tập tại Công ty cổ phần BCG Việt Nam đã giúp em vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn, bước đầu tạo cho em kinh nghiệm khi thực hành kế toán và nhìn nhận về thực tế hạch toán kế toán tại doanh nghiệp nói chung và thực tế hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Dựa trên cơ sở lý luận đã được học tại trường và thời gian thực tập kế toán tại Công ty cổ phần BCG Việt Nam, em đã hoàn thành bài khóa luận này. Bên cạnh việc phản ánh thực tế hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty, em đã mạnh dạn đưa ra những kiến nghị và giải pháp đối với công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Do thời gian thực tập có hạn, cùng với trình độ bản thân cũng có những hạn chế nhất định nên trong quá trình thực hiện, khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn Thạc Sĩ hướng dẫn **Nguyễn Thị Mai Linh** cùng các anh chị trong phòng Tài chính - Kế toán của Công ty cổ phần BCG Việt Nam đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2017

Sinh viên thực hiện

Bùi Thanh Lam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam*
4. Công ty cổ phần thương mại công nghệ Khánh Quý (2016), *Sổ sách kế toán Công ty*.